

Số: **4595** /BKHĐT-PTDN
V/v thẩm định dự thảo Tờ trình và Nghị
định sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 10/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày **15** tháng **6** năm 2023


Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tại Thông báo số 295/TB-VPCP ngày 23/9/2022 của Văn phòng Chính phủ, Thường trực Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, sửa đổi Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu theo hướng đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, tạo điều kiện cho hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát.


Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 1812/QĐ-BKHĐT ngày 07/11/2022 về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

Sau khi tổng hợp ý kiến của thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 9549/BKHĐT-PTDN ngày 28/12/2022 và Công văn số 710/BKHĐT-PTDN ngày 06/2/2023 đề nghị các cơ quan liên quan tham gia ý kiến đối với nội dung dự thảo Nghị định và Tờ trình. Đồng thời, Bộ đã đăng tải các văn bản này trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (<https://chinhphu.vn>), Cổng thông tin điện tử (<http://www.mpi.gov.vn>) và Cổng thông tin doanh nghiệp (<http://www.business.gov.vn>) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến.

Thực hiện quy định tại Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định theo quy định.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ 

Nơi nhận:

- Như trên (kèm 5 bộ hồ sơ Nghị định);
- Các Bộ: TC, GTVT, LĐTBXH, NV;
- Lưu: VT, PTDN (N). 



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Duy Đông

Số: /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO
Ngày 12.6.2023

TỜ TRÌNH

Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu

(Dự thảo Tờ trình kèm theo Công văn số 4595/BKHĐT-PTDN ngày 15/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



Kính gửi: Chính phủ

Tại Thông báo số 295/TB-VPCP ngày 23/9/2022 của Văn phòng Chính phủ, Thường trực Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, sửa đổi Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu theo hướng đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, tạo điều kiện cho hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với các nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Luật số 69/2014/QH13)¹, ngày 30/01/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước. Nghị định là căn cứ pháp lý quan trọng, quy định đầy đủ, chi tiết việc tổ chức thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước, tạo thuận lợi cho các cơ quan liên quan triển khai thực hiện. Qua tổng hợp ý kiến đánh giá của các cơ quan đại diện chủ sở hữu, Nghị định đã cụ thể hóa nhiều nội dung chưa được quy định rõ trong Luật số 69/2014/QH13, đảm bảo tính đồng bộ và phân công trách nhiệm rõ ràng của các cơ quan trong hoạt động quản lý, sử dụng vốn nhà nước, qua đó đáp ứng yêu cầu quản lý của cơ quan đại diện chủ sở hữu, phù hợp với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn của doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời, đã tạo ra hành lang pháp lý ổn định cho hoạt động của doanh nghiệp.

¹ Khoản 4 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13 quy định: *Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu.*

Tuy nhiên, qua gần 04 năm triển khai thực hiện, Nghị định số 10/2019/NĐ-CP cũng bộc lộ một số vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước trong thực tiễn, cụ thể như sau:

(i) Việc xác định doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập đã được quy định tại Luật 69/2014/QH13. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trước khi Luật 69/2014/QH13 được ban hành, việc xác định doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập còn chưa được hướng dẫn thống nhất, gây khó khăn, lúng túng trong việc xác định thẩm quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước (Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty).

(ii) Việc thành lập, tổ chức hoạt động và giải thể các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (liên quan đến tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc) còn kéo dài do trình tự, thủ tục phức tạp, phát sinh tầng nấc thủ tục hành chính, chưa thuận lợi cho doanh nghiệp.

(iii) Quy định về việc thành lập mới công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của Công ty mẹ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ cần phải rà soát, điều chỉnh để đảm bảo sự thống nhất giữa Nghị định số 10/2019/NĐ-CP và Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

(iv) Việc công ty mẹ phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương mỗi khi tăng mức vốn nhưng không thay đổi tỷ lệ vốn góp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bằng nguồn vốn từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế hoặc cổ tức chia bằng cổ phiếu, nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp khác (không đầu tư bổ sung từ nguồn vốn của công ty mẹ) đã gây mất thời gian cho doanh nghiệp, không đảm bảo tính chủ động cho doanh nghiệp.

(v) Việc đầu tư bổ sung vốn của công ty mẹ 100% vốn nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp việc đầu tư vốn để thực hiện dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ còn phức tạp. Thủ tướng Chính phủ sẽ phải xem xét, phê duyệt chủ trương hai lần: lần thứ nhất là phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn của công ty mẹ vào công ty con, công ty liên kết, tiếp đó trường hợp dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ thì Thủ tướng Chính phủ sẽ phải xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư.

(vi) Chưa có căn cứ xác định thẩm quyền quyết định đầu tư của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty đối với các lĩnh vực chưa được phân nhóm trong Luật Đầu tư công (như đầu tư tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bất động sản).

(vii) Chưa có sự thống nhất trong quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính về việc thẩm định, chấp thuận khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ của doanh nghiệp nhà nước tại

Luật số 69/2014/QH13, Nghị định số 10/2019/NĐ-CP và Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

Do đó, việc rà soát, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP là cần thiết nhằm kịp thời khắc phục những vướng mắc, hạn chế nêu trên; đồng thời, đảm bảo các quy định phù hợp với thực tiễn và nâng cao hiệu quả thực thi.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm các mục đích sau đây:

(i) Nâng cao hiệu quả thực thi Luật số 69/2014/QH13 và các quy định pháp luật về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo hướng tạo sự chủ động và nâng cao vai trò của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

(ii) Tăng cường phân cấp đi đôi với kiểm tra, giám sát, tạo thuận lợi cho DNNN trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp doanh nghiệp chủ động kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với yêu cầu của thực tiễn hoạt động. Từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN, đặc biệt là các doanh nghiệp quy mô lớn.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Trên cơ sở các mục đích nêu trên, việc xây dựng Nghị định dựa trên các quan điểm sau:

(i) Kế thừa những quy định của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đang được thực hiện ổn định, không có vướng mắc; đồng thời, sửa đổi những quy định không phù hợp với thực tế trên nguyên tắc đảm bảo phù hợp với Luật số 69/2014/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

(ii) Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, tạo điều kiện cho hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát phù hợp.

(iii) Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty trong việc quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo nguyên tắc rõ ràng, minh bạch và gắn với trách nhiệm giải trình.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Dự thảo Nghị định quy định việc thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Nghị định không thay đổi so với Nghị định số 10/2019/NĐ-CP bao gồm:

- Đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 295/TB-VPCP, trên cơ sở nội dung trao đổi tại các buổi làm việc với một số Bộ, ngành, Tập đoàn kinh tế, tổng công ty và thực tiễn quản lý nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Tờ trình và Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015².

Sau khi tổng hợp ý kiến của thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 9549/BKHĐT-PTDN ngày 28/12/2022 và Công văn số 710/BKHĐT-PTDN ngày 06/2/2023 đề nghị các cơ quan liên quan tham gia ý kiến đối với nội dung dự thảo Nghị định và Tờ trình. Đồng thời, Bộ đã đăng tải các văn bản này trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (<https://chinhphu.vn>), Cổng thông tin điện tử (<http://www.mpi.gov.vn>) và Cổng thông tin doanh nghiệp (<http://www.business.gov.vn>) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến.

Tính đến ngày 30/4/2013, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được 19/24 ý kiến tham gia bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, 57/63 địa phương và 20/23 Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước đối với dự thảo Nghị định (*kèm theo Danh sách*). Như vậy, về cơ bản, dự thảo đã nhận được sự đóng góp đầy đủ của các cơ quan liên quan.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan, ngày, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số/BKHĐT-PTDN gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Tờ trình và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục dự thảo Nghị định

Kết cấu của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP gồm 2 Điều, cụ thể gồm:

² Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 1812/QĐ-BKHĐT ngày 07/11/2022 về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước và đã tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập để lấy ý kiến hoàn thiện dự thảo Nghị định.

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP (liên quan đến các quy định tại các Điều 3, 6, 9, 11, 13, 14, 15, 17 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP).

- Điều 2: Hiệu lực thi hành.

2. Một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

So với nội dung quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP có một số nội dung mới như sau:

2.1. Về quy định Danh mục doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Luật 69/2014/QH13

Tại khoản 1 Điều 11 Luật số 69/2014/QH13 quy định: “Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: i) Doanh nghiệp có tài sản hoạt động sản xuất, kinh doanh được hình thành từ việc thực hiện dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư; ii) Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước và doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước”.

Như vậy, theo quy định này, các doanh nghiệp ngoài hai đối tượng nêu trên không thuộc trường hợp Thủ tướng Chính phủ đầu tư vốn. Do đó, theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ không thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước, bao gồm: quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, quyết định vốn điều lệ, phê duyệt chiến lược, kế hoạch... như quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Luật số 69/2014/QH13 và Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy các Bộ, cơ quan đại diện chủ sở hữu còn có cách hiểu khác nhau về việc xác định doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập. Theo đó, có ý kiến cho rằng một số doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định thành lập trước ngày Luật 69/2014/QH13 có hiệu lực (một số Tổng công ty 90, 91 như: TCT Thuốc lá VN, TCT Lương thực Miền Bắc, TCT Cà phê VN...) sẽ do Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu. Nhằm thống nhất cách hiểu và tháo gỡ vướng mắc cho các cơ quan trong quá trình áp dụng, dự thảo Nghị định sửa đổi quy định các doanh nghiệp Thủ tướng Chính phủ sẽ thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu chỉ bao gồm các Công ty mẹ - Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước SCIC. Các doanh nghiệp còn lại sẽ do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các Bộ quản lý ngành thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu.

2.2. Về quy định cơ quan có trách nhiệm thẩm định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp và việc tham gia ý kiến của Bộ Tư pháp đối với Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp

Điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành và thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trong quá trình triển khai thực hiện 5 năm qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy các nội dung liên quan đến chiến lược, kế hoạch 5 năm của các Tập đoàn, Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (06 Tập đoàn, 01 TCT) gắn bó mật thiết với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành. Việc giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì thẩm định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh chưa thực sự phù hợp, chưa gắn kết được chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, đặc biệt là các Tập đoàn quy mô lớn, chiếm thị phần chủ yếu trong một số ngành, lĩnh vực quan trọng, then chốt của nền kinh tế.

Do đó, để thực hiện có hiệu quả hơn nội dung thẩm định chiến lược, kế hoạch 5 năm của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ quản lý ngành là cơ quan chủ trì theo dõi định hướng, giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển ngành kinh tế - xã hội, dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng Bộ quản lý ngành là cơ quan thẩm định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập. Trường hợp một doanh nghiệp có ngành, lĩnh vực kinh doanh liên quan đến nhiều Bộ quản lý ngành, cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ phân công cho một Bộ quản lý ngành chủ trì thẩm định.

Ngoài ra, để tạo thuận lợi cho các cơ quan trong quá trình thẩm định, phê duyệt chiến lược, kế hoạch, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 15/TB-VPCP ngày 15/02/2023 của Văn phòng Chính phủ, Dự thảo Nghị định bổ sung quy định về nội dung chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp để Thủ tướng Chính phủ có cơ sở quyết định và Bộ quản lý ngành thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

- Về việc tham gia ý kiến đối với Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp của Bộ Tư pháp: tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, dự thảo Nghị định sửa đổi không quy định Bộ Tư pháp phải có ý kiến đối với các nội dung phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về Đề án tổng thể, sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP. Theo đó, trường hợp cần thiết Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Tư pháp có ý kiến theo quy định Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ về quy chế làm việc với Chính phủ và Nghị định số 89/2022 ngày 29/10/2022 của Chính phủ về chức năng và nhiệm vụ của Bộ Tư pháp.

2.3. Về quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu

Theo quy định tại khoản 11 Điều 11 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP³, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đề Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập. Như vậy, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị nêu trên khá phức tạp, bao gồm 03 bước: Doanh nghiệp lập hồ sơ và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu thẩm định; Cơ quan đại diện chủ sở hữu thẩm định (trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan), trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương, trên cơ sở đó Hội đồng thành viên quyết định sau khi được phê duyệt chủ trương.

Trong thực tiễn hoạt động, một số Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty (như PVN, VNPT, EVN...) có nhu cầu thành lập, sắp xếp lại các đơn vị hạch toán phụ thuộc để phù hợp với thực tiễn điều hành sản xuất kinh doanh. Việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị thuộc về nghiệp vụ quản trị nội bộ của doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc tuân thủ quy trình báo cáo gồm 03 bước nêu trên thường kéo dài, mất nhiều thời gian, gây lãng phí về nguồn lực, không tạo được tính chủ động, đặc biệt một số trường hợp làm mất cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp (có trường hợp việc thành lập đơn vị mới kéo dài gần 02 năm⁴). Do đó, nhằm trao quyền và tạo tính chủ động thực sự cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động đối với các Tập đoàn lớn do Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng các nội dung liên quan đến quản trị doanh nghiệp cần được phân cấp triệt để cho doanh nghiệp quyết định và chịu trách nhiệm (như đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ khác). Đồng thời, Luật số 69/2014/QH13 cũng không quy định trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đối với nội dung này.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước và sự đồng thuận của các Bộ, ngành, dự thảo Nghị định sửa đổi đã bãi bỏ quy định tại khoản 11 Điều 11 và sửa đổi khoản 5 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng giao cho doanh nghiệp tự quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị hạch toán phụ thuộc theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Việc phân cấp này sẽ nâng cao trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp trong điều kiện các

³ - Khoản 11 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 về thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước quy định: “Cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương đề Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập”.

- Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định: Hội đồng thành viên công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị phụ thuộc sau khi đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thẩm định và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

⁴ Việc thành lập chi nhánh của PVN để quản lý các nhà máy điện trực thuộc.

cơ chế, chính sách về sắp xếp, đổi mới DNNN đã dần được hoàn thiện, khung khổ pháp lý đã tương đối đầy đủ, chặt chẽ, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

2.4. Đối với quy định thành lập mới công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của Công ty mẹ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu

Qua rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành cho thấy có sự chưa thống nhất về thẩm quyền thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu công ty con 100% vốn của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập. Cụ thể, khoản 6 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty mẹ quyết định thành lập công ty con 100% vốn sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương. Trong khi đó, khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP quy định thẩm quyền thành lập công ty con 100% vốn của doanh nghiệp thuộc về Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty mẹ sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương tại Đề án cơ cấu lại Công ty mẹ. Như vậy, theo quy định tại Nghị định số 23/2022/NĐCP, trường hợp việc thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu công ty con 100% vốn của công ty mẹ đã được phê duyệt tại Đề án cơ cấu lại Công ty mẹ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty chủ động thực hiện mà không cần phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương như quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ban hành sau Nghị định số 10/2019/NĐ-CP và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp khi giảm thiểu hồ sơ, thủ tục hành chính. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁵, để đảm bảo thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, dự thảo Nghị định quy định sửa đổi khoản 6 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.

2.5. Về thẩm quyền quyết định chủ trương góp vốn, tăng giảm vốn góp, quyết định đầu tư hoặc không đầu tư bổ sung vốn vào công ty con, công ty liên kết tại các doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu

- Theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Như vậy, thẩm quyền quyết định việc góp vốn, tăng giảm vốn góp, quyết định đầu tư hoặc không đầu tư bổ sung vốn vào công ty con, công ty liên kết thuộc cơ quan đại diện chủ sở hữu mà không cần báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

⁵ Cụ thể: Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau.

- Tuy nhiên, tại khoản 8 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP⁶ quy định việc đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện xem xét theo 02 lần: (i) lần thứ nhất là **chủ trương đầu tư bổ sung vốn** của Công ty mẹ vào công ty con, công ty liên kết (theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước); (ii) lần thứ hai là sau khi doanh nghiệp được đầu tư bổ sung vốn, Thủ tướng Chính phủ sẽ xem xét, chấp thuận **chủ trương đầu tư** (theo quy định của pháp luật về đầu tư) khi doanh nghiệp thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Thực tế cho thấy quy trình này thường gây mất nhiều thời gian, không tạo được tính chủ động cho doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu thực tiễn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gây lãng phí về nguồn lực và mất cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, Luật số 69/2014/QH13 không quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc xem xét, quyết định việc đầu tư, bổ sung vốn của Công ty mẹ tại các công ty con, công ty liên kết. Trên cơ sở đó, để nâng cao trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu và giảm thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp, dự thảo Nghị định quy định bỏ nội dung này tại khoản 8 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

2.6. Về thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch công ty, Hội đồng thành viên trong ngành, lĩnh vực chưa được phân nhóm trong Luật Đầu tư công

- Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 28 Luật số 69/2014/QH13, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định từng dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

- Tuy nhiên, đối tượng của đầu tư công là các chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đầu tư cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích. Do đó, trong một số trường hợp không bao quát hết các hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm cả hoạt động đầu tư tài chính. Luật Đầu tư công không quy định phân nhóm dự án (A, B, C) đối với lĩnh vực đầu tư tài chính, các lĩnh vực kinh doanh đơn thuần vì mục tiêu kinh doanh không mang tính chất đầu tư công. Do vậy, các DNNN (như Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước) không có căn cứ xác định nhóm dự án, thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên và cơ quan đại diện chủ sở hữu khi doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực tài chính như: mua trái phiếu ngân hàng,

⁶ Cụ thể: Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết; quyết định đầu tư sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương đầu tư.

Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật; quyết định đầu tư sau khi được Thủ tướng quyết định chủ trương đầu tư.

doanh nghiệp; đầu tư trên sàn chứng khoán hoặc những ngành, lĩnh vực không có mức phân nhóm theo quy định tại Luật Đầu tư công (mặc dù dự án có tổng mức đầu tư dưới mức cao nhất của Dự án nhóm B theo Luật Đầu tư công).

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật số 69/2014/QH13, để xử lý các vướng mắc nêu trên, tạo điều kiện chủ động cho doanh nghiệp được quyết định theo thẩm quyền phù hợp với quy định tại Luật số 69/2014/QH13, dự thảo Nghị định dự kiến sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP như sau: “9. *Quyết định đầu tư ra ngoài doanh nghiệp đối với các khoản đầu tư có giá trị không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công. Đối với các ngành, lĩnh vực chưa được quy định trong Luật Đầu tư công nhưng thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định đầu tư theo thẩm quyền nhưng không quá mức vốn cao nhất của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.*”

2.7. Về hướng dẫn xử lý tài chính trong trường hợp tổ chức lại (sáp nhập, hợp nhất, chia, tách) và giải thể doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Ngày 05/4/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2022/NĐ-CP về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Qua rà soát, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính nhận thấy Nghị định này chưa quy định các nội dung xử lý tài chính, cụ thể trong trường hợp tổ chức lại (sáp nhập, hợp nhất, chia, tách) và giải thể doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Để đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý trong tổ chức thực hiện, dự thảo Nghị định dự kiến bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc hướng dẫn các nội dung nêu trên tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP như sau: “Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc xử lý tài chính khi thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”.

2.8. Về việc vận dụng các quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đối với các doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, xã hội

Trong thời gian vừa qua, một số tổ chức chính trị, chính trị - xã hội như Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị hướng dẫn và cho phép các cơ quan này được vận dụng các quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP trong việc quản lý và thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp trực thuộc quản lý. Để có cơ sở cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội vận dụng trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu (là các tổ chức chính trị, xã hội) tại doanh nghiệp do các tổ chức này quyết định thành lập, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định đối với nội dung này tại khoản 1 Điều 17 theo hướng các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội vận dụng quy định của Nghị định này để tổ chức thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội làm chủ sở hữu.

2.9. Về quy định điều khoản chuyển tiếp đối với các doanh nghiệp không do Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhưng Chính phủ ban hành Nghị định quy định điều lệ tổ chức hoạt động

Theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật số 69/2014/QH13, Chính phủ ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (6 Tập đoàn kinh tế và SCIC).

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP: Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của doanh nghiệp không do Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu (không thuộc Điều 14) đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 7/5/2023 của Chính phủ⁷, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát và nhận thấy vẫn còn một số doanh nghiệp không do Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu, không thuộc đối tượng tại Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP (TCT Đường sắt VN, TCT Lương thực Miền Bắc) nhưng đang hoạt động theo điều lệ tổ chức hoạt động được Chính phủ ban hành dưới hình thức Nghị định trước khi Nghị định số 10/2019/NĐ-CP có hiệu lực⁸. Điều này gây khó khăn cho các cơ quan trong quá trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của các doanh nghiệp này theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

Để xử lý các vướng mắc này, khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định dự kiến quy định: *“Các Nghị định của Chính phủ về điều lệ tổ chức hoạt động của doanh nghiệp không thuộc danh mục tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này có hiệu lực cho đến khi cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành Điều lệ thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu”*.

2.10. Một số nội dung khác

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, chỉnh sửa một số nội dung cho phù hợp với các Luật số 69/2014/QH13 và các văn bản pháp luật có liên quan, phù hợp với thực tiễn triển khai của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Sửa đổi cụm từ “tài sản” tại khoản 4 Điều 11; điểm g khoản 5 Điều 13 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP thành: “tài sản cố định” để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật số 69/2014/QH13;

- Sửa đổi khoản 4 Điều 9 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để phù hợp với Nghị định số 115/2014/NĐ-CP đã hết hiệu lực;

⁷ Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, xử lý vướng mắc về điều chỉnh, bổ sung các ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các doanh nghiệp nhà nước khác có vướng mắc tương tự trong quá trình sửa đổi Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để phù hợp với thực tế tình hình sản xuất, kinh doanh và phát huy hiệu quả tối đa các nguồn lực của doanh nghiệp.

⁸ Nghị định số 11/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của TCT Đường sắt Việt Nam; Nghị định số 01/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của TCT Lương thực Miền Bắc.

- Sửa đổi điểm i khoản 5 Điều 13 thành “Kế hoạch sử dụng lao động, phương án xác định và quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng của người quản lý” để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp;

- Bỏ cụm từ “đầu tư ra nước ngoài” tại điểm e khoản 1 Điều 15 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để phù hợp với Luật số 69/2014/QH13.

VI. TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

1. Các ý kiến tiếp thu

Để hoàn thiện dự thảo Nghị định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 9549/BKHĐT-PTDN ngày 28/12/2022 và Công văn số 710/BKHĐT-PTDN ngày 06/2/2023 đề nghị các cơ quan liên quan tham gia ý kiến đối với nội dung dự thảo Nghị định và Tờ trình. Tính đến ngày 30/4/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được 86/110 ý kiến tham gia bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước đối với dự thảo Nghị định.¹⁰

Về cơ bản, các ý kiến tham gia đều thống nhất về sự cần thiết ban hành và nội dung dự thảo Nghị định. Các ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu để hoàn thiện dự thảo Nghị định và giải trình đầy đủ tại Báo cáo tổng hợp, giải trình ý kiến các Bộ, UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (gửi kèm theo).

Một số ý kiến chính đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, cụ thể như sau:

- Bổ sung quy định hướng dẫn xác định doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập đối với các doanh nghiệp được thành lập trước khi Luật số 69/2014/QH13 ban hành hoặc nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (Bộ Tư pháp, Ngân hàng nhà nước, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Tập đoàn CN Cao su VN, Tập đoàn Dầu khí VN, TCT Thuốc lá VN,).

- Phân cấp cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị hạch toán phụ thuộc” để phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 92 Luật Doanh nghiệp 2020 nhằm tạo sự chủ động, linh hoạt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước (Tập đoàn Điện lực VN, TCT Hàng không VN, TCT Hàng Hải Việt Nam)

- Thống nhất nội dung thành lập công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ tại khoản 6 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP và Nghị định số 23/2022/NĐ-CP (Bộ Tư pháp, Tập đoàn CN Than – Khoáng sản VN, TCT Thuốc lá VN).

2. Các ý kiến giải trình

¹⁰ Các đơn vị chưa tham gia ý kiến gồm: Bộ CT, Bộ GTVT; Bộ KH-CN; Bảo hiểm XHVN; Viện Hàn lâm KHXHVN; Hải Dương; Kon Tum; Lạng Sơn; Quảng Trị; Thái Bình, Thanh Hóa; TĐ Xăng dầu VN; TCT Cà phê VN; TCT Viễn thông Mobifone.

(1) Về quy định nội dung hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của doanh nghiệp

Tập đoàn Điện lực Việt Nam đề nghị bổ sung quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định ký hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của doanh nghiệp nhà nước đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật bao gồm cả các hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai để vay vốn cho các dự án mà giá trị tài sản ghi tại hợp đồng thế chấp vượt mức dự án nhóm B theo quy định của pháp luật đầu tư công (EVN).

Về nội dung này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng: tại khoản 2 Điều 25 Luật số 69/2014/QH13 đã quy định: *“Doanh nghiệp được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn”*. Do vậy, trách nhiệm ký hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của doanh nghiệp do doanh nghiệp quyết định trên cơ sở phê duyệt của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo phân cấp quy định tại Luật số 69/2014/QH13.

Đối với nội dung đề xuất cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định ký kết hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố bao gồm cả các hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai, nội dung này không được quy định tại Luật số 69/2014/QH13. Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không có cơ sở để bổ sung hướng dẫn. Đồng thời, tài sản này có tiềm ẩn những rủi ro nhất định nên cần được nghiên cứu, xem xét thận trọng, toàn diện các luật liên quan và trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật số 69/2014/QH13.

(2) Về bổ sung quy định người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên cần xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu

UBND tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Tập đoàn Cao su Việt Nam, TCT Lương Thực Miền Nam, TCT Hàng không Việt Nam, TCT Lâm nghiệp Việt Nam, SCIC, TCT Cảng hàng không Việt Nam đề nghị hướng dẫn cụ thể các nội dung và quy định mức phân cấp cho người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Về nội dung này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

+ Điểm c khoản 1 Điều 48 Luật số 69/2014/QH13 đã quy định một số nội dung người đại diện phần vốn nhà nước phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi biểu quyết tại Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

+ Điểm k khoản 5 Điều 13 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định: người đại diện phần vốn nhà nước phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông các vấn đề khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của người đại diện.

Như vậy, Luật số 69/2014/QH13 đã quy định trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên. Do việc quản lý vốn nhà nước tại từng doanh nghiệp có những đặc thù quản lý khác nhau, dự thảo Nghị định tiếp thu quy định sửa một số

nội dung tại điểm e, g, i khoản 5 Điều 13 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo đề nghị của một số cơ quan (Bộ Xây dựng, TCT Hàng Không). Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu cần quy định cụ thể các nội dung, mức phân cấp yêu cầu người đại diện cần báo cáo, xin ý kiến thì đề nghị các cơ quan chủ động quy định tại Quy chế quy định tại điểm k khoản 5 Điều 13 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để đảm bảo bao quát được đặc điểm, quy mô của từng doanh nghiệp và nhu cầu quản lý đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

VII. TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Tại các Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị định (Báo cáo số..... về việc thẩm định Dự thảo Nghị định), Bộ Tư pháp đã có ý kiến.....

Một số nội dung cơ bản đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và giải trình đối với các nội dung dự thảo Nghị định bao gồm:...

VIII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

- Dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nội dung tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP. Các quy định điều chỉnh bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả thực thi, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp và các tổ chức cá nhân thực hiện. Do vậy, việc đảm bảo nguồn nhân lực và tài chính để triển khai các quy định dự kiến sẽ giảm bớt so với việc triển khai các quy định pháp luật hiện hành.

- Các chính sách không phát sinh kinh phí riêng cho việc triển khai thực hiện. Kinh phí để tổ chức thi hành chính sách nằm trong kinh phí chung tổ chức thi hành Nghị định bao gồm: i) Kinh phí xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định; ii) Kinh phí tổ chức phổ biến Nghị định; iii) Kinh phí tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Nghị định.

Kinh phí phát sinh bảo đảm tổ chức thi hành Nghị định sau khi ban hành được dự toán và chủ yếu lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý.

IX. MỘT SỐ NỘI DUNG CẦN XIN Ý KIẾN

1. Về việc công ty mẹ tăng vốn góp tại các công ty con, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Một số doanh nghiệp (EVN, VNA, VIMC, TCT Thuốc lá VN, VIETTEL) cho rằng, theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, các công ty mẹ phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương mỗi khi tăng vốn góp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, tuy nhiên, quy định này nên được điều chỉnh theo hướng giao Hội đồng thành viên, chủ tịch công ty của DNNN quyết định tại các công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên mà doanh nghiệp nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ để đảm bảo tính chủ động, chịu trách nhiệm của DNNN đối với phần vốn của DNNN đầu tư tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên vì các lý do sau:

- Khi công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên của DNNN quyết định trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu thưởng, thì giá trị đầu tư vốn của DNNN tại các công ty này sẽ tăng nhưng DNNN không phải đầu tư bổ sung vốn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu thưởng phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, đồng thời Đại hội đồng cổ đông thường niên phải tổ chức muộn nhất trước 30/6 và công bố thông tin ít nhất trước 21 ngày. Theo đó, việc phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương khi nhận cổ phiếu thưởng hoặc nhận cổ tức bằng cổ phiếu sẽ gây mất thời gian, không đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

- Ngoài ra, việc DNNN phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu khi các công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn quỹ đầu tư phát triển mà không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ tại các công ty này không thực sự có nhiều ý nghĩa vì công ty mẹ chỉ nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ, không đảm bảo quyền phủ quyết theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Theo đó, việc xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu sẽ gây mất thời gian và chậm trễ trong việc đưa ra ý kiến biểu quyết tại Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên; không đảm bảo tính chủ động, chịu trách nhiệm đối với nguồn vốn của DNNN đầu tư tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên.

Về nội dung trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng kiến nghị của các doanh nghiệp là phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm tăng tính chủ động, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp. Để đẩy mạnh phân cấp cho công ty mẹ được quyền quyết định đối với các khoản đầu tư đã đầu tư tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên tương tự như thẩm quyền của DNNN trong việc quyết định đầu tư vốn của DNNN tại công ty TNHH 1TV do DNNN nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Luật số 69/2014/QH13, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin ý kiến Chính phủ hướng dẫn quy định về việc “góp vốn, tăng, giảm vốn góp” của DNNN tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên để sửa đổi khoản 7 Điều 11, khoản 8 Điều 14 và điểm h khoản 1 Điều 15 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng:

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, trừ trường hợp công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có phần vốn góp của doanh nghiệp dưới 36% vốn điều lệ thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế nhưng không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

- Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty chỉ đạo người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà doanh nghiệp nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ thực hiện tăng vốn điều lệ từ

quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế nhưng không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp.

2. Về trách nhiệm phê duyệt các khoản vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp

Bộ Tài chính đề xuất bãi bỏ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP hiện đang quy định: “*Đối với khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ, trừ khoản vay vốn nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm, cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp và đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận*”. Tuy nhiên, một số cơ quan liên quan như Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Văn phòng Chính phủ đều cho rằng những dự án có phương án huy động vốn nước ngoài thường là những dự án lớn, mức huy động cao do đó cần có cơ quan chuyên môn thực hiện việc thẩm định để đảm bảo việc huy động vốn nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật và hiệu quả. Do vậy, các cơ quan đều kiến nghị giữ nguyên quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP về việc Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định các khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ.

Về nội dung trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

- Điểm e khoản 2 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13 quy định trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với DNNN: “*e) Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp theo quy định tại các điều 23, 24, 28 và 29 của Luật này;*”.

- Điểm d khoản 2 Điều 23 Luật số 69/2014/QH13 quy định: “*d) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, vay hoặc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan;*”.

- Điểm b khoản 3 Điều 23 Luật số 69/2014/QH13 quy định thẩm quyền huy động vốn đối với DNNN: “*b) Trường hợp huy động vốn trên mức quy định tại điểm a khoản này, huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.*”.

Đồng thời, tại Điều 12 Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh thì cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện phê duyệt phương án vay nước ngoài tự vay, tự trả trung, dài hạn của DNNN thuộc phạm vi quản lý.

Như vậy, Luật số 69/2014/QH13 và Nghị định số 219/2013/NĐ-CP đã quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước có thẩm quyền và trách nhiệm thực hiện phê duyệt các phương án huy động vốn vay nước ngoài của các DNNN.

Do vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thống nhất ý kiến với Bộ Tài chính quy định tại dự thảo Nghị định điều chỉnh nội dung này theo hướng bỏ trách nhiệm của

Bộ Tài chính trong việc thẩm định các khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ để thống nhất với Luật số 69/2014/QH13 và Nghị định số 219/2013/NĐ-CP.

Trên đây là Tờ trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP. Kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện NCQLKTTW;
- Vụ PC; KTCNDV;
- Lưu VT, PTDN.

Nguyễn Chí Dũng

Số: / /ND-CP

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO
Ngày 12.6.2023

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan đối với các doanh nghiệp quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”

2. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 6 như sau:

“c) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và ý kiến thẩm định của Bộ quản lý ngành. Trường hợp doanh nghiệp có ngành, lĩnh vực liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều Bộ, cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ phân công cho 01 cơ quan chủ trì thẩm định.

Nội dung chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này.”

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đối với doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu và ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ quản lý ngành.

Thẩm quyền quyết định cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng.”

4. Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 9 như sau:

“c) Việc giám sát, kiểm tra thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt thực hiện theo quy định của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.”

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 11 như sau:

“3. Xem xét, phê duyệt theo đề nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty đối với những nội dung sau đây:

a) Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động trên mức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Việc huy động vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan.”

b) Phương án huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Đối với khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ, trừ khoản vay vốn nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm, cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp. Đối với các khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định của doanh nghiệp có giá trị trên mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

d) Dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị trên mức quy định tại điểm a khoản 4 Điều 28 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.”

6. Sửa đổi khoản 4 Điều 11 như sau:

“4. Quyết định để Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty ký hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định của doanh nghiệp có giá trị lớn hơn

mức phân cấp cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.”

7. Sửa đổi khoản 7 Điều 11 như sau:

“7. Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, trừ trường hợp công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có phần vốn góp của doanh nghiệp dưới 36% vốn điều lệ thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế nhưng không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.”

8. Sửa đổi điểm e khoản 5 Điều 13 như sau:

“e) Chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp tại công ty con; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con; công ty liên kết.”

9. Sửa đổi điểm g khoản 5 Điều 13 như sau:

“g) Chủ trương mua, bán tài sản cố định và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;”

10. Sửa đổi điểm i khoản 5 Điều 13 như sau:

“i) Kế hoạch sử dụng lao động, phương án xác định và quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng của người quản lý;”

11. Sửa đổi khoản 5 Điều 14 như sau:

“5. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp. Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị hạch toán phụ thuộc theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng.”

12. Sửa đổi khoản 6 Điều 14 như sau:

“6. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu công ty con 100% vốn của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 14 như sau:

“8. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; quyết định đầu tư sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương đầu tư.

Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty chỉ đạo người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà doanh nghiệp nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế nhưng không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp”.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 14 như sau:

“9. Quyết định đầu tư ra ngoài doanh nghiệp đối với các khoản đầu tư có giá trị không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công. Đối với các ngành, lĩnh vực chưa được quy định trong Luật Đầu tư công nhưng thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định đầu tư theo thẩm quyền nhưng không quá mức vốn cao nhất của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.”

15. Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 15 như sau:

“e) Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị trên mức phân cấp cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty theo quy định của pháp luật;”

16. Sửa đổi điểm h khoản 1 Điều 15 như sau:

“h) Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, trừ trường hợp công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có phần vốn góp của doanh nghiệp dưới 36% vốn điều lệ thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế nhưng không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.”

Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty chỉ đạo người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà doanh nghiệp nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế nhưng không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp”.

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:

“1. a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu xây dựng và thực hiện quy chế nội bộ về tổ chức thực hiện các quyền, trách nhiệm đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và vốn nhà nước tại doanh nghiệp do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý.

b) Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc xử lý tài chính khi thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

c) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội vận dụng quy định của Nghị định này để tổ chức thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội làm chủ sở hữu.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

2. Nghị định này bãi bỏ quy định tại khoản 11 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu.

3. Các Nghị định của Chính phủ về điều lệ tổ chức hoạt động của doanh nghiệp không thuộc danh mục tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này có hiệu lực cho đến khi cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành Điều lệ thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện vốn Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;

Phạm Minh Chính

- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (2b).

PHỤ LỤC I
DANH MỤC DOANH NGHIỆP DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ THỰC
HIỆN QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ
NƯỚC

(Kèm theo Nghị định số/NĐ-CP ngày ... thángnăm 2023 của Chính phủ)

1. Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông quân đội.
2. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
3. Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam.
4. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
5. Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
6. Tập đoàn Hoá chất Việt Nam.
7. Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

BẢNG SO SÁNH
MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 10/2019/NĐ-CP

STT	Nội dung	Nghị định 10/2019/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
1	Về việc ban hành Danh mục DN do TTCP quyết định thành lập	Tại khoản 2 Điều 3 quy định: <i>“Thủ tướng Chính phủ, thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan”.</i>	Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau: “Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan đối với các doanh nghiệp quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. ”	Để có căn cứ pháp lý rõ ràng xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định tại Luật 69/2014/QH13, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung Danh mục doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền, trách nhiệm đại diện chủ sở hữu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.
2	Về việc tham gia ý kiến đối với Đề án tổng thể, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp	- Tại điểm c khoản 2 Điều 6 quy định: <i>“c) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp (bao gồm chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm) theo đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành và thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư”.</i>	- Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 6 như sau: “c) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và ý kiến thẩm định của Bộ quản lý ngành. Trường hợp doanh nghiệp có ngành, lĩnh vực liên quan đến nhiều Bộ quản lý ngành, cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ phân công cho 01 cơ quan chủ trì thẩm định. Nội dung chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này. ”	Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy các nội dung liên quan đến chiến lược, kế hoạch 5 năm của các Tập đoàn, Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (06 Tập đoàn, 01 TCT) gắn bó mật thiết với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành. Do đó, để thực hiện có hiệu quả hơn nội dung thẩm định chiến lược, kế hoạch 5 năm của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ quản lý ngành là cơ quan chủ trì theo dõi định hướng, giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển ngành kinh tế - xã hội, dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại

				<p>điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng Bộ quản lý ngành là cơ quan thẩm định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập. Trường hợp một doanh nghiệp có ngành, lĩnh vực kinh doanh liên quan đến nhiều Bộ quản lý ngành, cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ phân công cho một Bộ quản lý ngành chủ trì thẩm định.</p>
		<p>- Tại khoản 3 Điều 6 quy định: <i>“ 3. Phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu và ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp và Bộ quản lý ngành.</i> <i>Thẩm quyền quyết định cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng”.</i></p>	<p>- Sửa đổi khoản 3 Điều 6 như sau: “3. Phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đối với doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu và ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp và Bộ quản lý ngành. Thẩm quyền quyết định cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng”.</p>	<p>Dự thảo Nghị định sửa đổi không quy định Bộ Tư pháp phải có ý kiến đối với các nội dung phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về Đề án tổng thể, sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP. Theo đó, trường hợp cần thiết Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Tư pháp có ý kiến theo quy định Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ về quy chế làm việc với Chính phủ và Nghị định số 89/2022 ngày 29/10/2022 của Chính phủ về chức năng và nhiệm vụ của Bộ Tư pháp.</p>

3	<p>Về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện của DN</p>	<p>- Tại khoản 11 Điều 11 quy định: <i>“Phê duyệt chủ trương để Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.</i> <i>Việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân hàng.</i> <i>Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương để Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập”.</i></p> <p>- Tại khoản 5 Điều 14 quy định <i>“Hội đồng thành viên công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước và doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư vốn nhà nước để thành lập theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị phụ thuộc sau khi đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thẩm định</i></p>	<p>- Bãi bỏ khoản 11 Điều 11</p> <p>- Sửa đổi khoản 5 Điều 14 như sau: “5. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp. Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị hạch toán phụ thuộc theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là tổ</p>	<p>Đề trao quyền và tạo tính chủ động thực sự cho doanh nghiệp quy mô lớn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng các nội dung liên quan đến quản trị doanh nghiệp nên được phân cấp triệt để cho doanh nghiệp tự quyết định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Việc phân cấp này sẽ nâng cao trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp trong điều kiện các cơ chế, chính sách về sắp xếp, đổi mới, DNNN đã dần được hoàn thiện, tạo khung khổ pháp lý đầy đủ, chặt chẽ.</p>
---	--	---	--	---

		và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương”.	chức tin dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng.”	
4	Về việc thành lập mới công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của Công ty mẹ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Tại khoản 6 Điều 14 quy định: “6. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương thành lập mới công ty con 100% vốn của doanh nghiệp. Quyết định thành lập công ty con 100% vốn sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương”.	Sửa đổi khoản 6 Điều 14 như sau: “6. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu công ty con 100% vốn của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ”.	Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ¹ , để đảm bảo thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, dự thảo Nghị định quy định sửa đổi khoản 6 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.
5	Về việc quyết định chủ trương đầu tư hoặc không đầu tư bổ sung vốn vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	Tại khoản 8 Điều 14 quy định: “Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết; quyết định đầu tư sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương đầu tư. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định	Sửa đổi khoản 8 Điều 14 như sau: “8. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết; quyết định đầu tư sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương đầu tư. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp thuộc thẩm	- Việc đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện xem xét theo 02 lần: (i) lần thứ nhất là chủ trương đầu tư bổ sung vốn của Công ty mẹ vào công ty con, công ty liên kết (theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước); (ii) lần thứ hai là sau khi doanh nghiệp được đầu tư bổ sung vốn, Thủ tướng Chính phủ sẽ xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư (theo quy định

¹ Cụ thể: Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau.

		<p><i>của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật; quyết định đầu tư sau khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư”.</i></p>	<p>quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật; quyết định đầu tư sau khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.</p>	<p>của pháp luật về đầu tư) khi doanh nghiệp thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <p>Thực tế cho thấy quy trình này thường gây mất nhiều thời gian, không tạo được tính chủ động cho doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu thực tiễn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gây lãng phí về nguồn lực và mất cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>Ngoài ra, Luật số 69/2014/QH13 không quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc xem xét, quyết định việc đầu tư, bổ sung vốn của Công ty mẹ tại các công ty con, công ty liên kết. Trên cơ sở đó, để nâng cao trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu và giảm thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp, dự thảo Nghị định quy định bỏ nội dung này tại khoản 8 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.</p>
6	<p>Về thẩm quyền quyết định đầu tư của Hội đồng thành viên đối với các lĩnh vực chưa được phân nhóm trong Luật Đầu tư công</p>	<p>Tại khoản 9 Điều 14 quy định: <i>“9. Quyết định đầu tư bổ sung vốn vào công ty con, công ty liên kết, tham gia góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương đầu tư đối với các khoản đầu tư có giá trị vượt mức giá trị tương đương dự án nhóm B theo phân loại của Luật đầu tư công”.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 14 như sau: “9. Quyết định đầu tư ra ngoài doanh nghiệp đối với các khoản đầu tư có giá trị không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công. Đối với các ngành, lĩnh vực chưa được quy định trong Luật Đầu tư công nhưng thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp, Hội đồng thành viên,</p>	<p>Luật Đầu tư công không quy định phân nhóm dự án (A, B, C) đối với lĩnh vực đầu tư tài chính, các lĩnh vực kinh doanh đơn thuần vì mục tiêu kinh doanh không mang tính chất đầu tư công. Do vậy, các DNNN (như Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước) không có căn cứ xác định nhóm dự án, thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên và cơ quan đại diện</p>

			<p>Chủ tịch công ty quyết định đầu tư theo thẩm quyền nhưng không quá mức vốn cao nhất của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.”</p>	<p>chủ sở hữu khi doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực tài chính như: mua trái phiếu ngân hàng, doanh nghiệp; đầu tư trên sàn chứng khoán hoặc những ngành, lĩnh vực không có mức phân nhóm theo quy định tại Luật Đầu tư công (mặc dù dự án có tổng mức đầu tư dưới mức cao nhất của Dự án nhóm B theo Luật Đầu tư công).</p> <p>Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật số 69/2014/QH13, để xử lý các vướng mắc nêu trên, tạo điều kiện chủ động cho doanh nghiệp được quyết định theo thẩm quyền phù hợp với quy định tại Luật số 69/2014/QH13.</p>
7	Về trách nhiệm phê duyệt các khoản vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp	<p>Tại điểm b khoản 3 Điều 11 quy định: <i>“b) Phương án huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài. Đối với khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ, trừ khoản vay vốn nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm, cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp và đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận. Đối với các khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan”.</i></p>	<p>Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 11: “b) Phương án huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài. Đối với khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ, trừ khoản vay vốn nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm, cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp và đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận. Đối với các khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan”.</p>	<p>Luật số 69/2014/QH13 và Nghị định số 219/2013/NĐ-CP đã quy định thẩm quyền, trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước là thực hiện phê duyệt các phương án huy động vốn vay nước ngoài của các DNNN. Do vậy, dự thảo Nghị định điều chỉnh nội dung này tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để thống nhất với trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại Luật số 69/2014/QH13 và quy định của pháp luật chuyên ngành về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh</p>

8	Về hướng dẫn xử lý tài chính trong trường hợp tổ chức lại (sáp nhập, hợp nhất, chia, tách) và giải thể doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Nghị định số 10/2019/NĐ-CP chưa có quy định	Bổ sung điểm b khoản 1 Điều 17 như sau: “b) Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc xử lý tài chính khi thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”.	Ngày 05/4/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2022/NĐ-CP về thành lập, sáp nhập, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Qua rà soát, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính nhận thấy Nghị định này chưa quy định các nội dung xử lý tài chính, cụ thể trong trường hợp tổ chức lại (sáp nhập, hợp nhất, chia, tách) và giải thể doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Để đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý trong tổ chức thực hiện, dự thảo Nghị định dự kiến bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc hướng dẫn các nội dung nêu trên tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.
9	Về việc vận dụng đối với các DNNN thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội	Nghị định số 10/2019/NĐ-CP chưa có quy định	Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 17 như sau: “c) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội vận dụng quy định của Nghị định này để tổ chức thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội làm chủ sở hữu”.	Để có cơ sở cho các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội vận dụng thực hiện trong quá thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu (là các tổ chức chính trị, xã hội) tại doanh nghiệp do các tổ chức này quyết định thành lập, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định đối với nội dung này.
10	Về việc công ty mẹ tăng vốn góp tại các công ty con, công ty cổ phần, công ty	- Tại khoản 7 Điều 11 quy định: <i>“7. Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách</i>	- Sửa đổi khoản 7 Điều 11 như sau: <i>“7. Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên,</i>	Hiện nay, việc phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương khi công ty mẹ nhận cổ phiếu thưởng hoặc nhận cổ tức bằng cổ

<p>trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</p>	<p><i>trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên”.</i></p> <p>- Sửa đổi khoản 8 Điều 14 như sau: “8. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; quyết định đầu tư sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương đầu tư. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty chỉ đạo người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà doanh nghiệp nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế nhưng không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp”.</p> <p>- Sửa đổi khoản 1 Điều 15 như sau: “h) Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng</p>	<p>trừ trường hợp công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có phần vốn góp của doanh nghiệp dưới 36% vốn điều lệ thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế nhưng không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên”.</p> <p>- Sửa đổi khoản 8 Điều 14 như sau: “8. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; quyết định đầu tư sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương đầu tư. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty chỉ đạo người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà doanh nghiệp nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế nhưng không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp”.</p> <p>- Sửa đổi khoản 1 Điều 15 như sau: “h) Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp của doanh nghiệp</p>	<p>phiếu tại các công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên hoặc công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn quỹ đầu tư phát triển, tổng mức vốn của DNNN tăng nhưng không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ tại các công ty này (DNNN không phải đầu tư bổ sung bằng nguồn vốn của công ty mẹ) thì việc DNNN phải báo cáo xin ý kiến phê duyệt của cơ quan đại diện chủ sở hữu trong thời gian qua rất mất thời gian, gây chậm trễ trong việc đưa ra ý kiến biểu quyết tại Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên; không đảm bảo tính chủ động, chịu trách nhiệm đối với nguồn vốn của DNNN đầu tư tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên. Theo đó, Bộ KHĐT kiến nghị sửa đổi các nội dung này tại khoản 7 Điều 11, khoản 8 Điều 14 và điểm h khoản 1 Điều 15 theo hướng giao cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định việc góp vốn, tăng, giảm vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có phần vốn góp của doanh nghiệp dưới 36% vốn điều lệ.</p>
---	--	--	---

		<p>vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; quyết định chủ trương tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của doanh nghiệp;”</p>	<p>tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, trừ trường hợp công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có phần vốn góp của doanh nghiệp dưới 36% vốn điều lệ thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế nhưng không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.”</p> <p>Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty chỉ đạo người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà doanh nghiệp nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế nhưng không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp”.</p>	
--	--	--	--	--

**BÁO CÁO TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
NGHỊ ĐỊNH SỐ 10/2019/NĐ-CP**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày / /2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
1	Về việc thực hiện quyền, trách nhiệm về ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính của DNNN (Điều 5 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP)	
1.1	Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 5 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng Bộ quản lý ngành trình Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) hoặc có giải pháp để làm rõ cơ quan nào sẽ trình Chính phủ ban hành Điều lệ các tập đoàn kinh tế (EVN, PVN)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu quy định Danh sách các doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu tại Phụ lục kèm theo Nghị định. Các quy định về cấp có thẩm quyền tại ban hành điều lệ tổ chức hoạt động của các doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập đã được quy định rõ tại Nghị định số 10/2022/NĐ-CP. Đối với nội dung giao các Bộ quản lý ngành có trách nhiệm trình Chính phủ xem xét, ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập được giao UBQLV quản lý: nội dung này đã được Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái chỉ đạo tại Công văn số 931/VPCP-ĐMDN ngày 12/02/2022. Theo đó, Bộ Công Thương sẽ trình Nghị định điều lệ của PVN, EVN, Tập đoàn Hóa chất VN, Tập đoàn Than Khoáng sản VN. Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ trình ND điều lệ của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông VN, Bộ Tài chính trình Nghị định điều lệ của TCT SCIC...
1.2	Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ giao các cơ quan liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành điều lệ mẫu, quy chế quản lý tài chính mẫu cho doanh nghiệp nhà nước để tạo thuận lợi cho việc xây dựng, phê duyệt điều lệ, quy quản lý tài chính ở từng doanh nghiệp (TCT Thuốc lá VN)	Tại Luật Doanh nghiệp đã quy định các nội dung cơ bản của Điều lệ doanh nghiệp. Do vậy, đối với doanh nghiệp được giao quản lý, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định căn cứ quy định hiện hành để ban hành Điều lệ theo yêu cầu quản lý và phù hợp với tình hình thực tiễn của doanh nghiệp.
2	Về thực hiện quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP)	
2.1	Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn xác định doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu xây dựng Phụ lục kèm theo Nghị định

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	do TTCP quyết định thành lập đối với các doanh nghiệp được thành lập trước khi Luật số 69/2014/QH13 ban hành hoặc nghiên cứu trình TTCP ban hành danh mục các doanh nghiệp do TTCP quyết định thành lập (Bộ Tư pháp, TCT Thuộc lá VN, Ngân hàng nhà nước, UBQLV, Tập đoàn Cao su VN, TĐ PVN)	quy định danh sách doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định tại Luật số 69/2014/QH13
2.2	Đề nghị xem xét, bổ sung nội dung hướng dẫn về trình tự, thủ tục về việc lập, thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm, hàng năm của doanh nghiệp (UBND tỉnh Khánh Hoà)	<p>- Đối với doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định, chủ sở hữu có trách nhiệm phê duyệt đề Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định kế hoạch 05 năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp (khoản 2 Điều 9 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP). Nội dung thực hiện trách nhiệm này nên do cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành quy trình nội bộ (trong trường hợp cần thiết) để tránh phát sinh thủ tục hành chính.</p> <p>- Đối với các doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành và thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Nội dung này được quy định trên cơ sở kế thừa Nghị định số 99/2012/NĐ-CP và hướng dẫn quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 41 Luật số 69/2014/QH13.</p> <p>Trong quá trình triển khai thực hiện 5 năm qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy các nội dung liên quan đến chiến lược, kế hoạch 5 năm của các Tập đoàn, Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (06 Tập đoàn, 01 Tổng công ty) gắn bó chặt chẽ với chiến lược phát triển ngành, kinh tế xã hội. Để thực hiện có hiệu quả hơn nội dung thẩm định chiến lược, kế hoạch 5 năm của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, đảm bảo thống nhất Bộ quản lý ngành là cơ quan chủ trì, theo dõi định hướng, giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển ngành kinh tế - xã hội, dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng Bộ quản lý ngành thẩm định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ</p>

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2.3	Đề nghị không quy định Bộ Tư pháp phải có ý kiến đối với các nội dung phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về thành lập mới, tổ chức lại, sắp xếp, đổi mới DNNN quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 2 Điều 6 và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP	quyết định thành lập. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng kiến nghị của Bộ Tư pháp là phù hợp và đã tiếp thu sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP. Theo đó, trường hợp Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Tư pháp có ý kiến đối với phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới của DNNN thì thực hiện theo Quy chế làm việc của Chính phủ và Nghị định về chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, các quy trình, thủ tục thành lập mới DNNN, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu và sắp xếp lại doanh nghiệp, bao gồm sự tham gia của Bộ Tư pháp đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 23/2021/NĐ-CP, do vậy, giữ nguyên không điều chỉnh quy định này tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.
2.4	Đề nghị xem xét, sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 12 Luật số 69/2014/QH13 về việc TTCP chỉ quyết định chủ trương thành lập đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật này (TCT Hàng không Việt Nam (VNA))	- Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định về việc đầu tư vốn nhà nước đối với doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật số 69/2014/QH13). Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đã quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo đúng Luật số 69/2014/QH13. - Khoản 2 Điều 11 của Luật số 69/2014/Qh13 quy định về thành lập doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định. Khoản 5 Điều 6 Nghị định 10/2019/NĐ-CP đã quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương thành lập đối với doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp. Do vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không điều chỉnh nội dung này tại dự thảo Nghị định.
3	Quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu về tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản, chuyển giao doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Điều 8 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP)	
3.1	Điểm b khoản 2 Điều 38 Luật số 69/2014/QH13 có quy định về nguyên tắc chuyển giao và các trường hợp chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước giữa các doanh	Chương IV Nghị định số 23/2022/NĐ-CP đã hướng dẫn chi tiết quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 Luật số 69/2014/QH13 về chuyển giao một phần vốn, tài sản giữa các doanh nghiệp theo phương thức chuyển giao

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	<p>ngiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nhưng chưa quy định về cấp có thẩm quyền phê duyệt, do đó đề nghị bổ sung cấp có thẩm quyền phê duyệt vào Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP (PVN)</p>	<p>không thanh toán (cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định sau khi có chủ trương của Thủ tướng Chính phủ). Việc chuyển giao có thanh toán thực hiện theo các quy định pháp luật về bán toàn bộ doanh nghiệp và chuyển nhượng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Do vậy, không cần thiết bổ sung quy định về nội dung chuyển giao DN quy định tại dự thảo Nghị định.</p>
4	<p>Quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu về điều lệ, chiến lược, kế hoạch của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Điều 9 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP)</p>	
4.1	<p>Điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định dẫn chiếu “trình tự và thời hạn gửi các báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phục vụ cho công tác giám sát thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của DNNN”. Tuy nhiên, Nghị định số 115/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về nội dung này đã chấm dứt hiệu lực thi hành kể từ 30/12/2022 theo quy định tại Nghị định số 110/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ. Do vậy, đề nghị điều chỉnh nội dung này (PVN)</p>	<p>Bộ KHĐT tiếp thu ý kiến sửa đổi khoản 4 Điều 9 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP như sau: “Việc giám sát, kiểm tra thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt thực hiện theo quy định của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước”.</p>
4.2	<p>Đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với kết quả hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đặc biệt trong việc tổng hợp, hướng dẫn giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp, kịp thời báo cáo, kiến nghị với các Bộ, ngành liên quan, đồng thời tổ chức các hội nghị, diễn đàn để tiếp thu các kiến nghị của các doanh nghiệp, làm cơ sở kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền khác (EVN)</p>	<p>Luật số 69/2014/QH13 không quy định nội dung này, do vậy, Bộ KHĐT đề nghị xem xét trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi Luật số 69/2014/QH13.</p>
5	<p>Về quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu về quản lý cán bộ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Điều 10 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP)</p>	
5.1	<p>Đề nghị sửa đổi khoản 1 điều 10 Nghị định số 10/2019/NĐ-</p>	<p>Khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:</p>

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	CP đề phù hợp với quy định tại Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBQLV)	“3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau”. Do đó, đề nghị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 159/2020/NĐ-CP đối với nội dung này.
5.2	Đề nghị bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 10 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP nội dung: “ <i>Cơ quan đại diện chủ sở hữu lựa chọn, quyết định bổ nhiệm cán bộ, công chức do mình quản lý làm Kiểm soát viên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm; có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp cho cán bộ, công chức khi thôi làm Kiểm soát viên chuyên trách</i> ” để thống nhất với quy định tại Nghị định số 159/2020/NĐ-CP về phân cấp quy hoạch, đánh giá người quản lý doanh nghiệp theo thẩm quyền (UBQLV)	Bộ KHĐT không tiếp thu ý kiến vì hiện nay quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 10 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP về nội dung này vẫn đang phù hợp với quy định tại Điều 6 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP. Đồng thời, đề nghị thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
5.3	Đề nghị điều chỉnh quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định về Ban kiểm soát để thống nhất với quy định tại Luật Doanh nghiệp (TCT Quản lý bay, Bộ Giao thông vận tải)	Bộ KHĐT không tiếp thu ý kiến vì hiện nay quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP vẫn đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp.
5.4	Đề nghị xem xét bổ sung Nghị định 10/2019/NĐ-CP nội dung: “ <i>Đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Bộ Quốc phòng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc và các chức danh cán bộ quản lý khác</i> ” do tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định 10/2019/NĐ-CP quy định Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc doanh nghiệp, trong khi đó, khoản 5 Điều 26 Nghị định 05/2018/NĐ-CP về Điều lệ Viettel quy định Bộ Quốc phòng bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc doanh nghiệp (TD Viettel)	Hiện nay, Tập đoàn Viettel đang tổ chức, hoạt động theo mô hình Chủ tịch công ty kiêm Tổng giám đốc. Do vậy, việc bổ nhiệm Tổng giám đốc đồng thời với bổ nhiệm Chủ tịch công ty sẽ do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP và Nghị định số 159/2020/NĐ-CP. Do vậy, không quy định nội dung này tại dự thảo Nghị định.
6	Về tổ chức thực hiện quyền và trách nhiệm về hoạt động tài chính và đầu tư của DN do Nhà nước nắm giữ 100%	

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	vốn điều lệ (Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP)	
6.1	Về ban hành quy chế tài chính của doanh nghiệp	
6.1.1	Đề nghị quy định xác định thẩm quyền ban hành quy chế tài chính của tổ chức tín dụng là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nghị định 10/2019/NĐ-CP và Nghị định 91/2015/NĐ-CP quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành Quy chế tài chính của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trong khi đó, Nghị định 93/2017/NĐ-CP quy định Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền), Hội đồng thành viên phê duyệt Quy chế tài chính của tổ chức tín dụng (NHNN)	Khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau”. Do đó, đề nghị thực hiện theo quy định nêu trên.
6.1.2	Đề nghị làm rõ khái niệm “cấp có thẩm quyền” quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP trong việc trình, quyết định ban hành điều lệ, tổ chức lại DN ... (UBQLV)	Chương V Luật số 69/2014/QH13 quy định đại diện chủ sở hữu bao gồm Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu, hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Do vậy, cấp có thẩm quyền được xác định tương ứng tùy theo nội dung quyết định và đối tượng doanh nghiệp (do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập) thực hiện và thuộc phạm vi quản lý của từng cấp.
6.1.3	Tại khoản 1, Điều 11 Nghị định 10/2019/NĐ-CP quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành quy chế tài chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên tại điểm đ, khoản 2, Điều 100 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: Giám đốc hoặc Tổng giám đốc ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty đã được Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chấp thuận. Đề nghị sửa đổi khoản 1, Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 (Sở KHĐT Bắc Kạn)	Luật Doanh nghiệp áp dụng cho các doanh nghiệp nói chung, Luật số 69/2014/QH13/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành áp dụng cho các DNNN. Nghị định 10/2019/NĐ-CP và Nghị định 91/2015/NĐ-CP quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành Quy chế tài chính của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Theo đó, đề nghị thực hiện theo quy định tại Luật số 69/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
6.2	Về thẩm quyền huy động vốn, quyết định hợp đồng thuê, cho thuê, cầm cố tài sản, chuyển nhượng tài sản cố định của doanh nghiệp	

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
6.2.1	Khoản 3, 4, 5 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP: Đề nghị làm rõ trong dự thảo Nghị định hoặc có hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền thông qua/quyết định phương án huy động vốn, quyết định hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của doanh nghiệp, quyết định phương án thanh lý, nhượng bán tài sản; quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công của các doanh nghiệp cấp II, cấp III thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (EVN); đề nghị giao Người đại diện vốn, hội đồng thành viên xem xét, quyết định các nội dung về tái cơ cấu, đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp cấp III (Tập đoàn Cao su Việt Nam)	Thẩm quyền quản lý của doanh nghiệp đối với công ty con do doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ và phần vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty TNHH được thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 30 Luật số 69/2014/QH13 (<i>Đối với công ty con do doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ: Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn quy định tại điều lệ của công ty con</i>). Đối với các nội dung về thẩm quyền đối với doanh nghiệp cấp III thì không thuộc phạm vi của Luật số 69/2014/QH13 nên thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp
6.2.3	Đề nghị làm rõ về thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức vốn vượt mức vốn dự án nhóm B quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP là áp dụng đối với huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư (tài sản cố định/đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác) hay đối với hoạt động huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên thì Hội đồng Thành viên DNNN (PVN)	Điều 23 Luật số 69/2014/QH13 đã quy định cụ thể về thẩm quyền huy động vốn của doanh nghiệp để thực hiện dự án đầu tư. Do vậy, không cần quy định lại tại dự thảo Nghị định.
6.2.4	Đề nghị làm rõ lý do bỏ nội dung “ <i>đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận</i> ” đối với các khoản vay nước ngoài tự vay tự trả của DN tại điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định 10/2019/NĐ-CP do những dự án có phương án huy động vốn nước ngoài thường là dự án lớn, mức huy động cao (NHNN) - Đề nghị cân nhắc không sửa đổi nội dung này và giữ nguyên như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP (UBQLV);	- Khoản 3 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13 quy định Thẩm quyền huy động vốn: “a) Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công..... b) Trường hợp huy động vốn trên mức quy định tại điểm a khoản này, huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt”.

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
		<p>- Điểm d khoản 2 Điều 23 Luật số 69/2014/QH13 quy định: “<i>đ</i>) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, vay hoặc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan;”.</p> <p>- Điểm b khoản 3 Điều 23 Luật số 69/2014/QH13 quy định thẩm quyền huy động vốn đối với DNNN: “<i>b</i>) Trường hợp huy động vốn trên mức quy định tại điểm a khoản này, huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.”.</p> <p>Đồng thời, tại Điều 12 Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh thì Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện phê duyệt phương án vay nước ngoài tự vay, tự trả trung, dài hạn của DNNN thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>Như vậy, Luật số 69/2014/QH13 và Nghị định số 219/2013/NĐ-CP đã quy định thẩm quyền, trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước là thực hiện phê duyệt các phương án huy động vốn vay nước ngoài của các DNNN. Do vậy, dự thảo Nghị định điều chỉnh nội dung này tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để thống nhất với trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại Luật số 69/2014/QH13 và quy định của pháp luật chuyên ngành về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.</p>
6.2.5	Đề nghị điều chỉnh điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định 10/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định về phân cấp mức huy động vốn vay nước ngoài theo mức vay quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Luật số 69/2014/QH13 (EVN, Sở KHĐT Hải Phòng)	Khoản 3 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13 quy định thẩm quyền huy động vốn gồm: “ <i>b</i>) Trường hợp huy động vốn trên mức quy định tại điểm a khoản này, huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt”. Như vậy, Luật số 69/2014/QH13 không có mức phân cấp cụ thể. Do vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không có cơ sở để bổ sung quy định về mức phân cấp cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty trong việc huy động vốn vay nước ngoài
6.2.6	Đề nghị làm rõ thẩm quyền huy động vốn đối với khoản vay	Các nội dung về khoản vay vốn mua hàng hóa thiết bị nhập khẩu thuộc

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	vốn nước ngoài mua hàng hóa thiết bị nhập khẩu thuộc hợp đồng EPC theo hình thức ECA của các dự án điện có thuộc trường hợp được loại trừ, không coi là khoản vay nước ngoài tại dự thảo Nghị định không và PVN kiến nghị được loại trừ (PVN)	hợp đồng EPC theo hình thức ECA của các dự án điện mang tính chất kỹ thuật đặc thù của các doanh nghiệp sản xuất điện trực thuộc PVN. Do vậy, đề nghị PVN báo cáo Bộ Công Thương để quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động về nội dung cơ chế tài chính riêng cho PVN
6.2.7	Đề nghị quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án và quyết định ký kết các hợp đồng vay vốn trong nước phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước (EVN)	Điểm e khoản 2 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13 đã quy định về thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu: <i>“Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp theo quy định tại các điều 23, 24, 28 và 29 của Luật này”</i> . Việc quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu ký kết hợp đồng như đề xuất của EVN là chưa phù hợp với Luật số 69/2014/QH13
6.2.8	Đề nghị quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án huy động vốn đối với từng dự án của doanh nghiệp nhà nước có mức huy động trên mức quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 23 Luật số 69/2014/QH13) (EVN)	Tại điểm b khoản 3 Điều 23 Luật số 69/2014/QH13 đã quy định: <i>“Trường hợp huy động vốn trên mức quy định tại điểm a khoản này, huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt”</i> . Do vậy, không cần thiết bổ sung như đề xuất của EVN.
6.2.9	Đề nghị quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định ký hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của doanh nghiệp nhà nước đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật bao gồm cả các hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai để vay vốn cho các dự án mà giá trị tài sản ghi tại hợp đồng thế chấp vượt mức dự án nhóm B theo quy định của pháp luật đầu tư công (EVN)	Tại khoản 2 Điều 25 Luật số 69/2014/QH13 đã quy định: <i>“Doanh nghiệp được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn”</i> . Việc thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố đối với tài sản hình thành trong tương lai không được quy định tại Luật số 69/2014/QH13 nên không có cơ sở để hướng dẫn. Đồng thời, tài sản này có tiềm ẩn những rủi ro nhất định nên cần được nghiên cứu, xem xét khi sửa Luật số 69/2014/QH13.
6.2.10	Đề nghị quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và phê duyệt để người đại diện phần vốn của doanh nghiệp nhà nước tại các công ty cổ phần có ý kiến biểu quyết đảm	Đối với doanh nghiệp do DNNN sở hữu 100% vốn điều lệ, việc huy động vốn, vay nước ngoài, thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của doanh nghiệp này chưa được quy định trong Luật số 69/2014/QH13 nên không có cơ sở để hướng dẫn tại dự thảo Nghị định.

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	<p>bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật bao gồm cả các hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai để vay vốn cho các dự án mà giá trị tài sản ghi tại hợp đồng thế chấp vượt mức dự án nhóm B theo quy định của pháp luật đầu tư công; Phê duyệt phương án vay nước ngoài tự vay, tự trả ngắn hạn, trung, dài hạn không phân biệt mức huy động của doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và phê duyệt để người đại diện phần vốn của doanh nghiệp nhà nước tại các công ty cổ phần có ý kiến biểu quyết về phương án vay nước ngoài tự vay tự trả ngắn hạn, trung, dài hạn của công ty cổ phần (EVN)</p>	
	<p>Đề nghị xem xét sửa cụm từ “tài sản” tại khoản 4 Điều 11 và điểm g khoản 5 Điều 13 Nghị định 10/2019/NĐ-CP thành “tài sản cố định” (NHNN)</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu sửa đổi tại dự thảo Nghị định do Khoản 2 Điều 25 Luật số 69/2014/QH13 quy định: <i>Doanh nghiệp được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn nhằm giải quyết được các vướng mắc đang gặp phải của NHNN khi thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu tại các ngân hàng trực thuộc.</i></p>
6.2.11	<p>Đề nghị hướng dẫn “giá trị” làm căn cứ xác định thẩm quyền khi quyết định việc bán, cho thuê, cầm cố, thế chấp, thanh lý tài sản cố định của DNNN tại khoản 4, 5 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP xác định theo giá trị nào? Giá trị đầu tư ban đầu của tài sản/Giá trị còn lại của tài sản trên BCTC/Giá trị tài sản định giá tại thời điểm quyết định? (PVN, NHNN)</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng việc giá trị tài sản để xác định thẩm quyền quyết định nên là giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Tuy nhiên, về bản chất, các nội dung này liên quan đến các quy định về kế toán, tài chính và được quy định trong các văn bản do Bộ Tài chính nghiên cứu, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành (Luật số 69/2014/QH13 và các Nghị định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp). Do vậy, không sửa đổi tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP (mà nên được sửa đổi tại các văn bản do Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền ban hành)</p>
6.2.12	<p>Đề nghị bổ sung mức phân cấp cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty đối với việc ký hợp đồng thuê tài sản của doanh nghiệp (NHNN)</p>	<p>Luật số 69/2014/QH13 không quy định nội dung về phân cấp đối với việc ký hợp đồng thuê tài sản của DN. Theo đó, không có căn cứ để hướng dẫn nội dung này tại Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số</p>

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
6.2.13	Đề nghị quy định giá trị mức phân cấp về % tổng giá trị tài sản thay vì % vốn điều để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 (VNA)	10/2019/NĐ-CP. Điều 3 Luật Doanh nghiệp quy định: <i>Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó.</i> Do vậy, Luật số 69/2014/QH13 là văn bản của cơ quan chủ sở hữu quy định về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp nên quy định các mức % so với vốn điều lệ để thực hiện các mục tiêu quản lý cho phù hợp.
6.2.14	Kiến nghị giao HĐQT doanh nghiệp nhà nước tự quyết định không phân biệt giá trị tổng mức đầu tư hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ xem xét tính hiệu quả đầu tư của dự án để thông qua dự án đầu tư, làm cơ sở HĐQT quyết định đầu tư (EVN)	Luật số 69/2014/QH13 hiện nay chưa được sửa đổi nên chưa có căn cứ để Nghị định sửa đổi Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định như đề xuất của EVN. Bộ KHĐT sẽ ghi nhận các vướng mắc của EVN và tổng hợp vào đề xuất sửa đổi Luật số 69/2014/QH13 để nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp.
6.2.15	Cần quy định cụ thể các nội dung về dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền xem xét, phê duyệt của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo điểm c khoản 3 Điều 11 Nghị định 10/2019/NĐ-CP (EVN)	Việc phê duyệt nội dung dự án đầu tư có thể khác nhau theo từng dự án khác nhau. Do vậy, dự thảo Nghị định không quy định nội dung này.
6.2.16	Đề nghị bổ sung quy định tại Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP về thẩm quyền phê duyệt chủ trương, quyết định đầu tư, phân cấp quyết định chủ trương, quyết định đầu tư của Chủ tịch công ty của Tập đoàn kinh tế.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu ý kiến
6.2.17	Điểm g khoản 4 Điều 45, điểm d khoản 5 Điều 45 Nghị định 05/2018/NĐ-CP quy định: Chủ tịch Viettel trình cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương đối với các dự án có giá trị trên 30% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của VIETTEL tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án hoặc trên mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công. Các dự án còn lại sẽ do Chủ tịch Viettel tự quyết định. Do đó, đề nghị bổ sung tại khoản 7 Điều 11, khoản 7 Điều 14 Nghị định 10/2019/NĐ-CP để đảm bảo thống nhất và phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp đối với nội dung: “Công	Hiện nay mức vốn chủ sở hữu của Tập đoàn Viettel rất lớn, do vậy, trên thực tế, Bộ Quốc phòng được phân cấp để phê duyệt, có ý kiến chấp thuận đối với các dự án có giá trị trên mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công. Việc thực hiện các quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đối với nội dung này không mâu thuẫn với các quy định tại Nghị định số 05/2018/NĐ-CP. Do vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng không cần thiết bổ sung quy định tại Nghị định 10/2019/NĐ-CP.

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	<i>ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội áp dụng quy định tại Nghị định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp”.</i>	
6.2.18	<p>Đề nghị quy định chi tiết cơ chế chuyển nhượng tài sản dầu khí phù hợp với lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí và quy định phạm vi áp dụng bao gồm Công ty TNHH MTV do PVN đầu tư 100% vốn điều lệ. Theo quy định của Luật số 69/2014/QH13, khi bán tài sản dầu khí, đồng thời với việc tổ chức chào thầu cạnh tranh, PVN phải mời tổ chức độc lập đánh giá xác định giá trị khởi điểm của tài sản dầu khí - việc này chưa khả thi vì chưa có tổ chức tư vấn Việt Nam nào có thể thực hiện được. Ngoài ra, việc chuyển nhượng tài sản dầu khí này sẽ áp dụng cho PVN và doanh nghiệp 100% vốn của PVN, công ty con là công ty cổ phần nên đề nghị sớm có hướng dẫn đối với việc đánh giá tài sản dầu khí, hoàn thiện phạm vi áp dụng cơ chế chuyển nhượng tài sản dầu khí cho DNNN và các doanh nghiệp là công ty TNHH MTV, công ty cổ phần do DNNN nắm cổ phần chi phối (PVN)</p>	<p>Các đề xuất của PVN mang tính đặc thù, liên quan đến hoạt động dầu khí của PVN. Do vậy, đề nghị báo cáo Bộ Công Thương để sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn PVN; không nên sửa đổi tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP (áp dụng chung cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau).</p>
6.2.19	<p>- Đề nghị bổ sung quy định phân cấp quyết định đầu tư đối với các Dự án trong lĩnh vực chưa có phân nhóm trong Luật Đầu tư công (SCIC).</p> <p>- Về thẩm quyền quyết định đầu tư đối với các lĩnh vực chưa được phân nhóm trong Luật Đầu tư công, đề nghị bổ sung lý do đưa ra mức phân cấp Hội đồng thành viên quyết định đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, quỹ đầu tư không quá 2.300 tỷ đồng (tương đương với lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Đầu tư công), thay vì các mức 1.500 tỷ đồng, 1.000 tỷ đồng và 800 tỷ đồng như các lĩnh vực quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 8 Luật Đầu tư công (NHNN); đồng thời đánh giá kỹ do Luật Đầu tư công không quy định phân nhóm dự án A, B, C đối với lĩnh vực Tài chính (Bộ Tài chính).</p>	<p>Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 28 Luật số 69/2014/QH13, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.</p> <p>- Tuy nhiên, Luật Đầu tư công không quy định phân nhóm dự án (A, B, C) đối với lĩnh vực đầu tư tài chính, các lĩnh vực kinh doanh đơn thuần vì mục tiêu kinh doanh không mang tính chất đầu tư công. Do vậy, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) không có căn cứ xác định nhóm dự án, thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên và cơ quan đại diện chủ sở hữu khi doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực tài chính như: mua trái phiếu ngân hàng, doanh nghiệp; đầu tư trên sàn</p>

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
		<p>chứng khoán (do chưa được quy định tại các nhóm ngành theo Luật Đầu tư công).</p> <p>Đề DNNN (bao gồm SCIC) chủ động thực hiện quyền kinh doanh, đầu tư trong phạm vi quy định tại Luật số 69/2014/QH13, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến Bộ Tài chính quy định tại dự thảo Nghị định phân cấp cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt khi doanh nghiệp thực hiện đầu tư trên mức cao nhất của dự án nhóm B đối với các dự án không thuộc ngành, lĩnh vực phân loại theo pháp luật về đầu tư công. Việc quy định như dự thảo Nghị định vẫn đảm bảo mức phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định đối với các dự án không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công quy định tại Luật số 69/2014/QH13.</p>
6.3	<i>Về phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài của DN 100% vốn nhà nước</i>	
6.3.1	<p>Đề nghị làm rõ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài của cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng phù hợp với Điều 29 Luật số 69/2014/QH13/2015/QH13. Cụ thể như sau: <i>“Quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc của Thủ tướng Chính phủ, theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư, pháp luật về quản lý ngoại hối và pháp luật có liên quan. Quyết định đầu tư sau khi Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ”</i> (Tập đoàn Viettel)</p>	<p>Điều 29 Luật số 69/2014/QH13 quy định về đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp. Theo đó, đối với tất cả các dự án đầu tư ra nước ngoài, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đều phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định. Do đó, không có cơ sở để quy định theo phân cấp như đề xuất của Tập đoàn VIETTEL.</p>
6.3.2	<p>Nghị định số 10/2019/NĐ-CP và Nghị định 31/2021/NĐ-CP chưa có sự thống nhất có thể dẫn đến những cách hiểu khác nhau về trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Việc quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài quy định tại Nghị</p>	<p>Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã quy định các nội dung, trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư dự án. Do vậy, kiến nghị của NHNN không thuộc phạm vi quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.</p>

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	định 10/2019/NĐ-CP có bao gồm việc đầu tư, điều chỉnh đầu tư và chấm dứt đầu tư ra nước ngoài hay không? (NHNN)	
6.4	Về quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên	
	<p>- Trường hợp tăng vốn góp tại các công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên bằng nguồn vốn từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế hoặc cổ tức chia bằng cổ phiếu, nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp khác mà không phải đầu tư bổ sung bằng nguồn vốn của doanh nghiệp (công ty mẹ) và không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu thì kiến nghị phân cấp cho Hội đồng Thành viên chủ động quyết định và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu sau khi thực hiện (TCT Thuốc lá, PVN)</p> <p>- Đề nghị điều chỉnh khoản 8 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng Hội đồng thành viên: Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung khi tăng, giảm tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên; quyết định đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung khi tăng, giảm tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương. Quyết định đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung trong trường hợp không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên (EVN)</p> <p>- Cho phép HĐTV của doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: (1) chủ động chỉ đạo Người đại diện biểu quyết không thông qua phương án tăng vốn điều lệ tại các công ty liên kết thuộc danh mục thoái vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện chuyển nhượng quyền</p>	<p>Điểm h khoản 2 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13 và khoản 11 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương để Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty “<i>Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên...</i>”</p> <p>Về nội dung trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng kiến nghị của các doanh nghiệp là phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm tăng tính chủ động, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp. Để đẩy mạnh phân cấp cho công ty mẹ được quyền quyết định đối với các khoản đầu tư đã đầu tư tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên do DNNN nắm giữ trên 36% vốn điều lệ tương tự như thẩm quyền của DNNN trong việc quyết định đầu tư vốn của DNNN tại công ty TNHH 1TV do DNNN nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Luật số 69/2014/QH13, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin ý kiến Chính phủ hướng dẫn quy định về việc “góp vốn, tăng, giảm vốn góp” của DNNN tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên để sửa đổi khoản 7 Điều 11, khoản 8 Điều 14 và điểm h khoản 1 Điều 15 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng:</p> <p>- Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, trừ trường hợp công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có phần vốn góp của doanh nghiệp dưới 36% vốn điều lệ thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế nhưng không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</p>

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	mua cổ phần, vốn góp được mua thêm theo quy định (trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông/HĐTV của các công ty liên kết biểu quyết thông qua phương án tăng vốn điều lệ); (2) chủ động chỉ đạo Người đại diện biểu quyết không thông qua nội dung chi trả cổ tức bằng cổ phiếu làm tăng giá trị vốn góp theo mệnh giá của doanh nghiệp nhà nước vào công ty liên kết và thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt (trong trường hợp các công ty liên kết xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu). (VNPT)	- Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty chỉ đạo người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà doanh nghiệp nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ thực hiện tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế nhưng không làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp.
	Đề nghị sửa đổi khoản 7 Điều 11 như sau: " <i>Quyết định chủ trương góp vốn, thay đổi tỷ lệ vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</i> " do EVN tham gia góp vốn tại các CTCP để thực hiện dự án. Do vậy, vốn điều lệ sẽ được điều chỉnh tăng dần cùng với tiến độ thực hiện Dự án, mỗi lần góp vốn để tăng vốn điều lệ, doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương mất thời gian thủ tục. (EVN)	Điểm h khoản 2 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13 và khoản 11 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương để Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty " <i>Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên...</i> ". Với nội dung DNNN góp vốn bằng tiền, tài sản của DNNN vào công ty con để thực hiện Dự án thì cần thực hiện theo quy định nêu trên.
6.5	<i>Về thẩm quyền phê duyệt báo cáo tài chính của doanh nghiệp</i>	
	Đề nghị xem xét, sửa đổi khoản 9 Điều 11 không quy định trách nhiệm phê duyệt báo cáo tài chính của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với DNNN (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Điểm i khoản 1 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13 quy định quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bao gồm phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp. Do vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không có cơ sở để sửa đổi quy định tại dự thảo Nghị định.
6.6	<i>Về thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị hạch toán phụ thuộc</i>	
6.6.1	Đề nghị bãi bỏ quy định tại khoản 11 Điều 11, đồng thời sửa đổi khoản 5 Điều 14 Nghị định 10/2019/NĐ-CP quy định Hội đồng thành viên " <i>Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị hạch toán phụ thuộc</i> " để phù hợp với điểm b	Bộ KHĐT tiếp thu ý kiến sửa đổi tại dự thảo Nghị định nội dung này.

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	khoản 2 Điều 92 Luật Doanh nghiệp 2020 nhằm tạo sự chủ động, linh hoạt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước (EVN, VNA, TCT Hàng Hải Việt Nam)	
6.6.2	Kiến nghị giao Hội đồng thành viên quyết định thành lập/tổ chức lại các đơn vị trực thuộc là đơn vị sự nghiệp thành lập và hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học theo Luật Khoa học công nghệ hoặc thành lập và hoạt động trong lĩnh vực đào tạo đại học theo Luật Giáo dục đại học hoặc thành lập và hoạt động trong lĩnh vực đào tạo nghề theo Luật Giáo dục nghề nghiệp (PVN)	Bộ KHĐT tiếp thu ý kiến quy định tại dự thảo Nghị định theo hướng HĐTV, Chủ tịch công ty quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị hạch toán phụ thuộc.
7	Về tổ chức thực hiện quyền, trách nhiệm đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên (Điều 13 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP	
7.1	<p>- Đề nghị sửa đổi từ ngữ tại điểm i khoản 5 Điều 13 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP về trách nhiệm người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (NHNN)</p> <p>- Đề nghị xem xét bỏ điểm i khoản 5 Điều 13 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP vì các lý do sau: (i) tạo điều kiện chủ động nguồn lực cho doanh nghiệp trong việc tuyển dụng lao động; (ii) chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng đã được báo cáo cơ quan đại diện CSH trong kế hoạch SXKD hàng năm; (iii) ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS là nội dung sẽ báo cáo cơ quan CSH do thuộc thẩm quyền ĐHCĐ; (iv) việc trích lập các quỹ khen thưởng của TV HĐQT, BKS, quỹ khen thưởng của người lao động và Ban điều hành, quỹ phúc lợi chung của TCTHK đã quy định tại điểm h Khoản 5 Điều 13 Nghị định này; (v) chế độ tuyển dụng, chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp thường xuyên được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế SXKD (VNA)</p>	Bộ KHĐT tiếp thu ý kiến đối với nội dung sửa đổi điểm i khoản 5 Điều 13 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
7.2	<p>- Đề xuất bỏ từ “năm giữ” trong “chủ trương góp vốn, năm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp tại công ty con” tại điểm e khoản 5 Điều 13 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP (TCT Hàng Hải Việt Nam)</p> <p>- Tại điểm e khoản 5 Điều 13 Nghị định số 10/2019, đề nghị xem xét sửa cụm từ “Chủ trương góp vốn, năm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp tại công ty con” thành “Chủ trương góp vốn, năm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết” (NHNN)</p>	<p>Bộ KHĐT tiếp thu ý kiến bỏ cụm từ “năm giữ” và điều chỉnh cụm từ “công ty con” thành công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên</p>
7.3	<p>Đối với các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước, pháp luật ngân hàng đã quy định về những trường hợp không được cấp tín dụng, hạn chế cấp tín dụng, giới hạn cấp tín dụng... cũng như quy định các tỷ lệ đảm bảo an toàn mà TCTD phải tuân thủ trong hoạt động tín dụng như tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi, tỷ lệ sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn... Pháp luật ngân hàng cũng có quy định riêng về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện (phải được sự chấp thuận của NHNN). Do vậy, việc quy định Người đại diện tại tổ chức tín dụng phải xin ý kiến đối với các hợp đồng vay, cho vay, tất cả các trường hợp vay nợ nước ngoài (không có mức phân cấp cụ thể), việc thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện có thể dẫn ảnh hưởng tới cơ hội kinh doanh của tổ chức tín dụng và gia tăng thủ tục hành chính.</p>	<p>- Tại khoản 1 Điều 48 Luật số 69/2014/QH13 đã quy định một số nội dung người đại diện phần vốn nhà nước phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Như vậy, việc xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu các vấn đề thuộc thẩm quyền biểu quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông đã được quy định trong Luật nên không có cơ sở để sửa đổi phân cấp cho người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tự quyết định khi biểu quyết tại Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.</p>
7.4	<p>- Đề nghị quy định các nội dung cụ thể và xây dựng mức phân cấp cho người đại diện cần báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện CSH với nội dung giao người đại diện chủ động quyết định đối với doanh nghiệp trên 50% vốn và dưới 50% vốn; làm rõ nội dung khác giao cho cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và phân cấp trong Quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước tại từng doanh nghiệp (UBND tỉnh Sóc Trăng, UBQLV, TCT Lương Thực Miền Nam,</p>	<p>- Tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật số 69/2014/QH13 đã quy định một số nội dung người đại diện phần vốn nhà nước phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>- Tại điểm k khoản 5 Điều 13 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP cũng quy định: người đại diện phần vốn nhà nước phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông các vấn đề khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của người đại diện.</p> <p>Như vậy, trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu cần quy định mức</p>

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	<p>VNA, TCT Lâm nghiệp Việt Nam, SCIC, TCT Cảng hàng không Việt Nam);</p> <p>- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 36% vốn điều lệ trở lên báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên đối với “<i>Chủ trương đầu tư dự án</i>” (Bộ Xây dựng);</p> <p>- Nghiên cứu, bổ sung quy định người đại diện phần vốn phải báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trương bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Bổ sung quy định việc phải xin ý kiến nội dung về chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng người quản lý và người lao động: hệ thống thang bảng lương; Quy chế chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng; Đơn giá tiền lương; Quỹ tiền lương, thù lao, mức lương kế hoạch và thực hiện; Quỹ tiền thưởng (UBQLV)</p>	<p>phân cấp giữa nội dung người đại diện cần báo cáo, xin ý kiến thì chủ động quy định tại Quy chế này để đảm bảo bao quát được đặc điểm, quy mô của từng doanh nghiệp và nhu cầu quản lý đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p>
8	<p>Về quyền, trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP)</p>	
8.1	<p>Đề nghị rà soát nội dung Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để thống nhất với Nghị định số 23/2021/NĐ-CP; sửa đổi khoản 6 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để thống nhất với Nghị định số 23/2022/NĐ-CP về thành lập công ty con của DNNN (Bộ Tư pháp, TCT Thuốc lá, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam – TKV)</p>	<p>Bộ KHĐT tiếp thu ý kiến</p>
8.2	<p>Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm rõ trường hợp việc thành lập mới công ty con 100% vốn của doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương tại Đề án cơ</p>	<p>Theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP, trường hợp việc thành lập mới công ty con 100% vốn của doanh nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án cơ cấu lại Công ty mẹ, Hội đồng thành viên</p>

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	câu lại công ty mẹ, có cần trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương thành lập mới công ty con 100% vốn nữa không? (TD Viettel)	hoặc Chủ tịch công ty quyết định mà không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
8.3	Đề nghị bãi bỏ khoản 9 Điều 14 do cả khoản 8 và khoản 9 đều quy định về thẩm quyền đầu tư bổ sung vốn vào công ty con, công ty liên kết tuy nhiên 2 khoản lại có 2 mức giá trị khác nhau (EVN)	Bộ KHĐT thống nhất việc điều chỉnh quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 14 để đảm bảo quy định đầy đủ, thống nhất quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu và DN
8.4	Đề xuất hiệu chỉnh đối tượng từ “công ty con” thành “công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên” tại khoản 8 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để phù hợp với nội dung tại khoản 7 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP (EVN)	Bộ KHĐT tiếp thu ý kiến
9	Về quyền, trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập (Điều 15 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP)	
9.1	Đề nghị xem xét điều chỉnh khoản 1 Điều 15 Nghị định 10/2019/NĐ-CP: “ <i>quyết định chủ trương góp vốn, chủ trương tăng, giảm vốn góp, chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại CTCP, Công ty TNHH 2 TV trở lên...</i> ” để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 31 Luật số 69/2014/QH13 và tách biệt rõ với nội dung chuyển nhượng vốn tại điểm g Khoản 1 Điều này (VNA)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, sửa đổi.
9.2	Đề nghị bổ sung “ <i>dự án góp vốn liên doanh của doanh nghiệp với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, dự án đầu tư vào doanh nghiệp khác để cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích</i> ” tại điểm e khoản 1 Điều 15 để phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 28 Luật số 69/2014/QH13 (VNA)	“Dự án góp vốn liên doanh của doanh nghiệp với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, dự án đầu tư vào doanh nghiệp khác để cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích” đã thuộc trường hợp đầu tư ra ngoài doanh nghiệp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, do vậy, không quy định bổ sung nội dung này.
9.3	Điểm h khoản 2 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13 chưa quy định cấp thẩm quyền quyết định việc thay đổi giá trị vốn đầu tư của DNNN vào công ty TNHH MTV do đó đề nghị bổ sung (PVN)	Bộ KHĐT không tiếp thu nội dung này do tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật số 69/2014/QH13 đã quy định: Đối với công ty con do doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ, Công ty mẹ “ <i>quyết định thành lập, vốn điều lệ khi thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh</i>

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
		<i>doanh; quyết định điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động...</i>
9.4	Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài đối với doanh nghiệp 100% vốn của DNNN (PVN)	Điểm e khoản 1 Điều 30 Luật số 69/2014/QH13 đã quy định Công ty mẹ phê duyệt dự án trên 50% vốn của công ty con (không phân biệt dự án đầu tư ra nước ngoài hay dự án đầu tư trong nước). Do vậy, không bổ sung, quy định lại tại dự thảo Nghị định.
9.5	Điểm e khoản 1 Điều 15 Nghị định 10/2019/NĐ-CP: đề nghị xem xét không gộp dự án đầu tư ra nước ngoài vào các nội dung “có giá trị trên mức phân cấp cho HĐQT, Chủ tịch công ty” (VNA)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến do Luật số 69/2014/QH13 không quy định về mức phân cấp cho HĐQT, Chủ tịch công ty đối với dự án đầu tư ra nước ngoài (Điều 29).
10	Về tổ chức thực hiện	
10.1	Đề nghị hướng dẫn doanh nghiệp do Tỉnh ủy là cơ quan đại diện chủ sở hữu có thể vận dụng được quy định của Nghị định này (UBND tỉnh Bình Phước); đề nghị cân nhắc quy định các tổ chức chính trị, xã hội được áp dụng quy định này (UBQLV)	Bộ KHĐT tiếp thu ý kiến quy định tại dự thảo Nghị định các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội được vận dụng quy định tại Nghị định để quản lý và thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp trực thuộc quản lý. Các tổ chức chính trị xã hội không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định nên không có căn cứ quy định bắt buộc phải áp dụng, căn cứ vào quy định này trong thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.
10.2	Về việc áp dụng hiệu lực của văn bản, đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (UBQLV, Bộ TC, Bộ Công an)	Bộ KHĐT tiếp thu ý kiến không quy định nội dung ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành để đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản pháp luật.
10.3	Đề nghị bổ sung trách nhiệm của cơ quan chủ quản đối với các khoản vay vốn ODA của các công ty con của DNNN (EVN)	Nghị định số 114/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cung cấp cho Nhà nước hướng dẫn Luật Quản lý nợ công và các quy định pháp luật liên quan đã quy định về quy trình, thủ tục, thẩm quyền vay vốn viện trợ nước ngoài đối với các công ty con của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn nhà nước. Do phạm vi dự thảo Nghị định chỉ có phạm vi hướng dẫn Luật số 69/2014/QH13 nên không có căn cứ để hướng dẫn về trách nhiệm của cơ quan chủ quản đối với các khoản vay vốn ODA của DNNN.
10.4	Đề nghị quy định xác định doanh nghiệp do SCIC tiếp nhận từ	Trong quá trình xây dựng, trình Chính phủ xem xét ban hành nghị định

TT	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	các Bộ, UBND các tỉnh là công ty do SCIC đầu tư góp vốn	số 47/2021/NĐ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xin ý kiến Chính phủ đối với nội dung này. Tuy nhiên, nội dung này không được Chính phủ thông qua do việc xác định vốn nhà nước tại doanh nghiệp và vốn của doanh nghiệp nhà nước đã được quy định tại Luật số 69/2014/QH13, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP. Để đảm bảo phù hợp với các quy định tại Luật số 69/2014/QH13 về việc xác định vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, SCIC tiếp tục thực hiện các quy định về quyền và nghĩa vụ đối với các doanh nghiệp do SCIC tiếp nhận theo các quy định pháp luật hiện hành theo quy định Nghị định số 151/2013/NĐ-CP, Nghị định số 147/2017/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định số 151/2013/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của SCIC. Nội dung này Chính phủ sẽ xem xét, trình Quốc hội sửa đổi khi trình Luật sửa đổi Luật số 69/2014/QH13.

BÁO CÁO

Về việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP

(Kèm theo Công văn số **4595/BKHĐT-PTDN** ngày **15/6/2023** của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



Tại Thông báo số 295/TB-VPCP ngày 23/9/2022 của Văn phòng Chính phủ, Thường trực Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu theo hướng đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, tạo điều kiện cho hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát (sau đây gọi tắt là Nghị định).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng và đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lấy kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 60 ngày theo quy định.

Trong quá trình xây dựng Nghị định, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) có liên quan (*chi tiết tại Phụ lục 1 Bảng rà soát quy định của pháp luật liên quan đến Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP*). Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo như sau:

I. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT

Các văn bản pháp luật rà soát:

1. Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;
2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
3. Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;
4. Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
5. Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;
6. Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;
7. Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

8. Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

9. Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

10. Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

Các quy định đồng bộ, tương tích giữa dự thảo Nghị định với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan

Nội dung của dự thảo Nghị định cơ bản phù hợp, không ảnh hưởng tới quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Kết quả rà soát cụ thể như sau:

a) Về bổ sung danh mục doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp

Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật 69/2014/QH13.

b) Về việc tham gia ý kiến của các Bộ đối với Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới và ý kiến thẩm định đối với chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp

Phù hợp với quy định tại Luật số 69/2014/QH13; Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 – 2025.

c) Về nội dung thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

Phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 92 Luật Doanh nghiệp, Luật số 69/2014/QH13.

d) Về nội dung thành lập mới công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của Công ty mẹ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Phù hợp với quy định tại Luật số 69/2014/QH13, khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.

đ) Về nội dung quyết định chủ trương đầu tư hoặc không đầu tư bổ sung vốn vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Phù hợp với quy định tại điểm h khoản 2 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13.

e) Về thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch công ty, Hội đồng thành viên đối với các lĩnh vực chưa được phân nhóm trong Luật Đầu tư công

Phù hợp với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 28 Luật số 69/2014/QH13, Điều 9 Luật Đầu tư công.

f) Về trách nhiệm phê duyệt các khoản vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp

Phù hợp với quy định tại điểm e khoản 2 Điều 42, điểm d khoản 2 Điều 23, điểm b khoản 3 Điều 23 Luật 69/2014/QH13 và Điều 12 Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh thì Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện phê duyệt phương án vay nước ngoài.

g) Về nội dung đầu tư, bổ sung vốn của công ty mẹ vào công ty con, công ty liên kết

Phù hợp với quy định tại điểm h khoản 2 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trong quá trình soạn thảo dự thảo Nghị định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư luôn tuân thủ nguyên tắc các nội dung đã quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, đảm bảo sự phù hợp, không mâu thuẫn, chông chéo với các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Trên đây là Báo cáo rà soát các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo./.

PHỤ LỤC

Bảng rà soát quy định của pháp luật liên quan đến Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ
<p>Điều 1 Khoản 1: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau: “Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan đối với các doanh nghiệp quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”</p>	<p>Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p>	<p>Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành</p>
<p>Điều 1 Khoản 2: Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 6 như sau: “c) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu và thẩm định của Bộ quản lý ngành.”</p>	<p>Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p>	<p>Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành</p>

<p>Điều 1 Khoản 3: Sửa đổi khoản 3 Điều 6 như sau:</p> <p>“3. Phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp (Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp) đối với doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu và ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ quản lý ngành.</p> <p>Thẩm quyền quyết định cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng.”</p>	<p>- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025.</p> <p>- Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 – 2025.</p>	<p>Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành.</p>
<p>Điều 1 Khoản 4: Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 9 như sau:</p> <p>“c) Việc giám sát, kiểm tra thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt thực hiện theo quy định của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước”.</p>	<p>- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.</p>	<p>Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành.</p>
<p>Điều 1. Khoản 5: Sửa đổi khoản 3 Điều 11 như sau:</p> <p>“3. Xem xét, phê duyệt theo đề nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty đối với những nội dung sau đây:</p> <p>a) Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động trên mức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p> <p>b) Phương án huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước</p>	<p>- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.</p>	<p>Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành.</p>

<p>ngoài.</p> <p>Đối với khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ, trừ khoản vay vốn nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm, cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp. Đối với các khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>c) Dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định của doanh nghiệp có giá trị trên mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p> <p>d) Dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị trên mức quy định tại điểm a khoản 4 Điều 28 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.”</p>		
<p>Điều 1</p> <p>Khoản 6: Sửa đổi khoản 4 Điều 11 như sau:</p> <p>“4. Quyết định để Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty ký hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định của doanh nghiệp có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định của Chính phủ.”</p>	<p>- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p>	<p>Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành.</p>
<p>Điều 1</p> <p>Khoản 8: Sửa đổi điểm e khoản 5 Điều 13 như sau:</p> <p>“e) Chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn của doanh</p>	<p>- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p>	<p>Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành.</p>

<p>ngành tại công ty con; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con; công ty liên kết.”</p>		
<p>Điều 1 Khoản 9: Sửa đổi điểm g khoản 5 Điều 13 như sau: “g) Chủ trương mua, bán tài sản cố định và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;”</p>	<p>- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p>	<p>Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành.</p>
<p>Điều 1 Khoản 10: Sửa đổi điểm i khoản 5 Điều 13 như sau: “i) Kế hoạch sử dụng lao động, phương án xác định và quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng của người quản lý;”</p>	<p>- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. - Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành.</p>
<p>Điều 1 Khoản 11: Sửa đổi khoản 5 Điều 14 như sau: “5. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp. Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị hạch toán phụ thuộc theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng.”</p>	<p>- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. - Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành.</p>

<p>Điều 1</p> <p>Khoản 12. Sửa đổi khoản 6 Điều 14 như sau:</p> <p>“6. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu công ty con 100% vốn của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. 	<p>Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành.</p>
<p>Điều 1</p> <p>Khoản 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 14 như sau:</p> <p>“9. Quyết định đầu tư ra ngoài doanh nghiệp đối với các khoản đầu tư có giá trị không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công. Đối với các ngành, lĩnh vực chưa được quy định trong Luật Đầu tư công nhưng thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định đầu tư theo thẩm quyền nhưng không quá mức vốn cao nhất của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp. - Luật Đầu tư công. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. 	<p>Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành.</p>
<p>Điều 1</p> <p>Khoản 15. Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 15 như sau:</p> <p>“e) Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị trên mức phân cấp cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty theo quy định của pháp luật;”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. 	<p>Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành.</p>

Điều 1

Khoản 17: Bổ sung khoản 4 Điều 17 như sau:

“4. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội vận dụng quy định của Nghị định này để tổ chức thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội làm chủ sở hữu.”

Tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành.

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu

(kèm theo Công văn số **4595**./BKHDĐT-PTDN ngày **15**./...**6**./2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trong quá trình triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào đầu tư, sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Luật số 69/2014/QH13)¹, ngày 30/01/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước. Nghị định này là căn cứ pháp lý quan trọng, quy định đầy đủ, chi tiết việc tổ chức thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước, tạo thuận lợi cho các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, qua 04 năm triển khai, Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đã bộc lộ một số nội dung chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, tập trung vào một số vấn đề phát sinh liên quan đến việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước. Tại Thông báo số 295/TB-VPCP ngày 23/9/2022 của Văn phòng Chính phủ, Thường trực Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu theo hướng đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, tạo điều kiện cho hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát.

Ngày 13/01/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 9549/BKHĐT-PTDN đề nghị các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 10/2019/NĐ-CP và tham gia ý kiến về Dự thảo Tờ trình và Nghị định sửa đổi Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các Bộ, địa phương, Tập đoàn, Tổng công ty cho thấy việc triển khai thực hiện Nghị định số 10/2019/NĐ-CP phát

¹ Khoản 4 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13 quy định: *Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu.*

sinh nhiều khó khăn, vướng mắc, tập trung vào một số vấn đề liên quan đến việc thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đó, việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP là cần thiết

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP nhằm đáp ứng các mục tiêu sau đây:

(i) Nâng cao hiệu quả thực thi Luật số 69/2014/QH13 và các quy định pháp luật về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo hướng tạo sự chủ động và nâng cao vai trò của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

(ii) Tạo thuận lợi cho DNNN trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp doanh nghiệp kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với yêu cầu của thực tiễn hoạt động. Từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN, đặc biệt là các doanh nghiệp quy mô lớn do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Để đạt được mục tiêu ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành xây dựng dự thảo Nghị định trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước. Báo cáo đánh giá tác động tập trung vào các chính sách lớn, bao gồm:

1. Chính sách 1: Phân cấp, phân quyền cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định các vấn đề về quản trị nội bộ của doanh nghiệp

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, đối với các doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, cơ quan đại diện chủ sở hữu phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương một số vấn đề về quản trị doanh nghiệp như: thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp; thành lập mới công ty con là công ty TNHH 1TV của Công ty mẹ.

Quy trình này tốn nhiều thời gian, không tạo được tính chủ động cho doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu thực tiễn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gây lãng phí về nguồn lực.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo khung pháp lý giúp Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty chủ động quyết định các vấn đề về quản trị doanh nghiệp như thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh

nghiệp; thành lập mới công ty con là công ty TNHH 1TV của Công ty mẹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Phương án A: Giữ nguyên hiện trạng.

- Phương án B: Sửa đổi, bổ sung quy định tại một số điều, khoản về quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty DNNN do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Bãi bỏ khoản 11 Điều 11 và sửa đổi khoản 5 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP;

+ Sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

1.4.1. Phương án A “Giữ nguyên hiện trạng”

a) Tác động tích cực

- Đối với Nhà nước: Không làm phát sinh thêm thời gian, nghiên cứu để sửa đổi quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP

- Đối với doanh nghiệp, người lao động: Không có.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với Nhà nước: Các cơ quan quản lý nhà nước sẽ phải tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến quản trị doanh nghiệp như thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp; thành lập mới công ty con là công ty TNHH 1TV của Công ty mẹ.

- Đối với doanh nghiệp, người lao động: Tập đoàn, Tổng công ty phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xin chủ trương chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan. Quy trình này tốn nhiều thời gian, không tạo được tính chủ động cho doanh nghiệp.

1.4.2. Phương án B “Sửa đổi, bổ sung quy định tại một số điều, khoản về quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty DNNN do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP”.

a) Tác động tích cực

- Đối với Nhà nước: Các cơ quan quản lý nhà nước sẽ không phải tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến quản trị doanh nghiệp như thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp; thành lập mới công ty con là công ty TNHH 1TV của Công ty mẹ.

- Đối với doanh nghiệp, người lao động: Tạo cơ sở pháp lý, sự chủ động cho doanh nghiệp được quyết định những vấn đề quản trị nội bộ của doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với Nhà nước: Cần nghiên cứu, sửa đổi quy định tại một số điều, khoản về quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty DNNN do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP

- Đối với doanh nghiệp, người lao động: Không có.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua phân tích đánh giá các tác động của chính sách, mặt tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất lựa chọn Phương án B “Sửa đổi, bổ sung quy định tại một số điều, khoản về quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty DNNN do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP” bao gồm:

+ Bãi bỏ khoản 11 Điều 11 và sửa đổi khoản 5 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP;

+ Sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP

là phương án tối ưu nhất cả về lợi ích cho Nhà nước và doanh nghiệp so với Phương án A “Giữ nguyên hiện trạng”.

2. Chính sách 2: Phân cấp, phân quyền cho cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc đầu tư hoặc không đầu tư bổ sung vốn vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Việc đầu tư bổ sung vốn của công ty mẹ 100% vốn nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật còn phức tạp. Thủ tướng Chính phủ sẽ phải xem xét, quyết định **chủ trương đầu tư bổ sung vốn** của công ty mẹ vào công ty con, công ty liên kết. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn, doanh nghiệp lại phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Khi đó, Thủ tướng Chính phủ sẽ phải xem xét, chấp thuận **chủ trương đầu tư** (theo quy định của pháp luật về đầu tư) khi doanh nghiệp thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Phân cấp cho cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc đầu tư hoặc không đầu tư bổ sung vốn vào công ty con, công ty liên kết để tạo được tính chủ động cho doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu thực tiễn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Phương án A: Giữ nguyên hiện trạng.

- Phương án B: Bãi bỏ nội dung này tại khoản 8 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

2.4.1 Phương án A “Giữ nguyên hiện trạng”:

a) Tác động tích cực

- Đối với Nhà nước: Không làm phát sinh thêm thời gian, nghiên cứu, sửa đổi quy định tại khoản 8 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP

- Đối với doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu: Không có.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với Nhà nước: Thủ tướng Chính phủ phải xem xét 02 lần về việc đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu: Quy trình đầu tư, bổ sung vốn vào công ty con, công ty liên kết để thực hiện dự án đầu tư phức tạp, tốn nhiều thời gian, không tạo được tính chủ động cho doanh nghiệp.

2.4.2. Phương án “Bãi bỏ nội dung này tại khoản 8 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP

a) Tác động tích cực

- Đối với Nhà nước: Thủ tướng Chính phủ chỉ cần xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư (theo quy định của pháp luật về đầu tư) khi doanh nghiệp thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Đối với doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu: Nâng cao trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu và giảm thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với Nhà nước: Cần tổ chức nghiên cứu, sửa đổi quy định tại khoản 8 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng giao cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết.

- Đối với doanh nghiệp, người lao động: Không có.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn.

Qua phân tích đánh giá các tác động của chính sách, mặt tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất lựa chọn Phương án B “Sửa đổi quy định tại khoản 8 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP” theo hướng giao cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết là phương án tối ưu nhất so với Phương án A “Giữ nguyên hiện trạng”.

3. Chính sách 3: Việc quyết định đầu tư đối với các lĩnh vực chưa được phân nhóm trong Luật Đầu tư công

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật Đầu tư công không quy định phân nhóm dự án (A, B, C) đối với lĩnh vực đầu tư tài chính, các lĩnh vực kinh doanh đơn thuần vì mục tiêu kinh doanh không mang tính chất đầu tư công. Do vậy, các DNNN không có căn cứ xác định nhóm dự án, thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên và cơ quan đại diện chủ sở hữu khi doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực tài chính như: mua trái phiếu ngân hàng, doanh nghiệp; đầu tư trên sàn chứng khoán mặc dù dự án có tổng mức đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định tại khoản 9 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định đối với các ngành, lĩnh vực chưa được quy định trong Luật Đầu tư công nhưng thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định đầu tư theo thẩm quyền nhưng không quá mức vốn cao nhất của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Phương án A: Giữ nguyên hiện trạng.
- Phương án B: Sửa đổi quy định tại khoản 9 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

3.4.1 Phương án A “Giữ nguyên hiện trạng”:

a) Tác động tích cực

- Đối với Nhà nước: Không làm phát sinh thêm thời gian, nghiên cứu, sửa đổi quy định tại khoản 9 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

- Đối với doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu: Không có.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với Nhà nước: Không có.

- Đối với doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu: Các doanh nghiệp không có căn cứ pháp lý để xác định thẩm quyền đầu tư đối với các dự án có

ngành, lĩnh vực chưa được quy định trong Luật Đầu tư công mặc dù giá trị vẫn nhỏ hơn 2.300 tỷ đồng.

3.4.2 Phương án B “Sửa đổi quy định tại khoản 9 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP”

a) Tác động tích cực

- Đối với Nhà nước: Đảm bảo sự thống nhất trong quá trình thực hiện việc đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo quy định tại Luật số 69/2014/QH13.

- Đối với doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu: Các cơ quan đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp có cơ sở pháp lý để xác định thẩm quyền quyết định việc đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp đối với các lĩnh vực chưa được quy định tại Luật Đầu tư công.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với Nhà nước: Cần tổ chức nghiên cứu, sửa đổi quy định tại khoản 9 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP

- Đối với doanh nghiệp, người lao động: Không có.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn.

Qua phân tích đánh giá các tác động của chính sách, mặt tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất lựa chọn Phương án B “Sửa đổi quy định tại khoản 9 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP” là phương án tối ưu nhất so với Phương án A “Giữ nguyên hiện trạng”.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP. Để hoàn thiện dự thảo Nghị định, ngày 13/01/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 9549/BKHĐT-PTDN gửi các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (<https://chinhphu.vn>), Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.mpi.gov.vn>) và Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.business.gov.vn>) để lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện các chính sách tại Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP. Trong quá trình thực thi các chính sách quy định tại Nghị định này, nếu có phát sinh vướng mắc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và đề xuất Thủ tướng Chính phủ hướng xử lý./.

Số:/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 10/2019/NĐ-CP
NGÀY 30/01/2019 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ THỰC HIỆN QUYỀN, TRÁCH
NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Triển khai nhiệm vụ được giao tại Thông báo số 295/TB-VPCP ngày 23/9/2022 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 9549/BKHĐT-PTDN ngày 28/12/2022 đề nghị các cơ quan đại diện chủ sở hữu, các Tập đoàn, Tổng công ty báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 10/2019/NĐ-CP và đề xuất những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương, các Tập đoàn, Tổng công ty và nội dung tổng hợp trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ một số nội dung chính như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 10/2019/NĐ-CP

Triển khai thực hiện nhiệm vụ được Quốc hội giao tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào đầu tư, sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Luật số 69/2014/QH13), ngày 30/01/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước. Nghị định này là căn cứ pháp lý quan trọng, quy định đầy đủ, chi tiết việc tổ chức thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp nhà nước, các cơ quan đại diện chủ sở hữu triển khai thực hiện.

Nghị định đã quy định một số nội dung liên quan đến việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp theo quy định tại Luật số 69/2014/QH13; trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản, chuyển giao doanh nghiệp; điều lệ, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; hoạt động tài chính và đầu tư của doanh nghiệp; giám sát, kiểm tra và đánh giá hoạt động của doanh nghiệp... Trong gần 5 năm thực hiện, việc triển khai thực hiện Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đã đạt một số kết quả và còn tồn tại, hạn chế sau:

1. Về kết quả đạt được

- Việc ban hành Nghị định số 10/2019/NĐ-CP nhằm hướng dẫn triển khai Luật số 69/2019/QH13 đã góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, phù hợp với yêu cầu đổi mới, hội nhập; các chính sách, cơ chế được ban hành tạo ra môi trường pháp lý đầy đủ, đồng bộ, ổn định cho hoạt động quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp; cơ chế, chính sách đã đảm bảo tôn trọng và nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp cùng việc tăng cường sự kiểm tra, giám sát của nhà nước trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại các DNNN.

- Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đã quy định chi tiết, cụ thể các vấn đề thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định của pháp luật khác có liên quan đến DNNN; bám sát chủ trương, định hướng đổi mới quản lý DNNN của Đảng, phù hợp với các văn bản pháp luật đã được Quốc hội thông qua. Chính phủ đã hình thành được một hệ thống khung khổ, môi trường pháp lý ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho các Tập đoàn, TCT, DNNN hoạt động sản xuất kinh doanh, tham gia thị trường và cho hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước.

- Việc triển khai thực hiện Luật số 69/2014/QH13 và Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đã góp phần phân định và làm rõ chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của đại diện chủ sở hữu nhà nước, đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước đã đầu tư tại DNNN; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với người quản lý doanh nghiệp.

- Hoạt động của các DNNN tiếp tục được duy trì và có tăng trưởng. Phần lớn các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước đều nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, góp phần đảm bảo công khai, minh bạch trong hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, đồng thời đẩy mạnh vai trò giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu từ đó nâng cao kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Các DNNN đã thực hiện được vai trò, nhiệm vụ chủ sở hữu giao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước điều tiết kinh tế, ổn định vĩ mô, bảo đảm cân đối lớn của nền kinh tế; có sự tăng trưởng đáng kể về quy mô doanh nghiệp và đóng góp cho ngân sách nhà nước.

2. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 10/2019/NĐ-CP

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, vẫn còn một số vấn đề phát sinh liên quan đến việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước, cụ thể như sau:

(i) Việc xác định doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập đã được quy định tại Luật 69/2014/QH13. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp được thành lập trước khi Luật 69/2014/QH13 ban hành thì việc xác định

doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập còn chưa được hướng dẫn thống nhất, gây khó khăn, lúng túng trong việc xác định thẩm quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước (Thủ tướng chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty).

(ii) Về việc tham gia ý kiến của các Bộ đối với Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới và ý kiến thẩm định đối với chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp

Luật số 69/2014/QH13 không quy định cụ thể các cơ quan phải tham gia ý kiến, thẩm định trước khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các nội dung thuộc quyền, trách nhiệm của mình đối với doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập. Tuy nhiên, Nghị định số 10/2019/NĐ-CP kế thừa các quy định trước đây tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP đã quy định Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ thẩm định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp. Trong quá trình triển khai thực hiện 5 năm qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy các nội dung liên quan đến chiến lược, kế hoạch 5 năm của các Tập đoàn, Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (06 Tập đoàn, 01 Tổng công ty) gắn bó chặt chẽ với chiến lược phát triển ngành, kinh tế xã hội. Để thực hiện có hiệu quả hơn nội dung thẩm định chiến lược, kế hoạch 5 năm của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, đảm bảo thống nhất Bộ quản lý ngành là cơ quan chủ trì, theo dõi định hướng, giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển ngành kinh tế - xã hội, cần nghiên cứu điều chỉnh để Bộ quản lý ngành thẩm định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

(iii) Việc thành lập, tổ chức hoạt động và giải thể các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (liên quan đến tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc) còn kéo dài do trình tự, thủ tục phức tạp, phát sinh nhiều thủ tục hành chính cho Thủ tướng Chính phủ.

- Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định: *“Hội đồng thành viên công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước và doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư vốn nhà nước để thành lập theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị phụ thuộc sau khi đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thẩm định và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.”*

Như vậy, Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trên cơ sở thẩm định của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhằm hạn chế tình trạng thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tràn lan, không hiệu quả, không kiểm soát, đồng thời thực hiện mục tiêu nâng cao cơ chế kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Trong quá trình hoạt động, một số Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty (như PVN, VNPT, EVN...) có nhu cầu thành lập các đơn vị hạch toán phụ thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện để thuận lợi trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo quy định tại Nghị định 10/2019/NĐ-CP, các Tập đoàn, Tổng công ty phải báo cáo xin chủ trương chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan. Quy trình này tốn nhiều thời gian, không tạo được tính chủ động cho doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu thực tiễn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gây lãng phí về nguồn lực (có trường hợp việc thành lập kéo dài gần 02 năm).

(iv) Quy trình, thủ tục thành lập mới công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của Công ty mẹ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ chưa có sự thống nhất giữa Nghị định số 10/2019/NĐ-CP và Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty mẹ quyết định việc thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương tại Đề án cơ cấu lại công ty mẹ. Trường hợp chưa được quy định tại Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp thì phải trình cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung Đề án.

- Tại khoản 6 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Hội đồng thành viên công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước và doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư vốn nhà nước để thành lập theo quy định của Luật số 69/2019/QH13: *“Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương thành lập mới công ty con 100% vốn của doanh nghiệp. Quyết định thành lập công ty con 100% vốn sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương”*.

Do vậy, còn có sự chưa thống nhất giữa các quy định về nội dung này giữa Nghị định số 10/2019/NĐ-CP và Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.

(v) Việc đầu tư bổ sung vốn của công ty mẹ 100% vốn nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật còn phức tạp. Thủ tướng Chính phủ sẽ phải xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn của công ty mẹ vào công ty con, công ty liên kết. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn, doanh nghiệp sẽ thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan về đầu tư, xây dựng để được chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp,

chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

- Theo quy định tại khoản 8 Điều 14 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP¹, việc đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện xem xét theo 02 lần: (i) lần thứ nhất là **chủ trương đầu tư bổ sung vốn** của Công ty mẹ vào công ty con, công ty liên kết (theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước); (ii) lần thứ hai là sau khi doanh nghiệp được đầu tư bổ sung vốn, Thủ tướng Chính phủ sẽ xem xét, chấp thuận **chủ trương đầu tư** (theo quy định của pháp luật về đầu tư) khi doanh nghiệp thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Thực tế cho thấy quy trình này thường gây mất nhiều thời gian, không tạo được tính chủ động cho doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu thực tiễn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gây lãng phí về nguồn lực và mất cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, Luật số 69/2014/QH13 không quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc xem xét, quyết định việc đầu tư, bổ sung vốn của Công ty mẹ tại các công ty con, công ty liên kết.

(vi) Về thẩm quyền quyết định đầu tư của Hội đồng thành viên đối với các lĩnh vực chưa được phân nhóm trong Luật Đầu tư công

- Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 28 Luật số 69/2014/QH13, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

- Tuy nhiên, Luật Đầu tư công không quy định phân nhóm dự án (A, B, C) đối với lĩnh vực đầu tư tài chính, các lĩnh vực kinh doanh đơn thuần vì mục tiêu kinh doanh không mang tính chất đầu tư công. Do vậy, các DNNN (như Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước) không có căn cứ xác định nhóm dự án, thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên và cơ quan đại diện chủ sở hữu khi doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực tài chính như: mua trái phiếu ngân hàng, doanh nghiệp; đầu tư trên sàn chứng khoán hoặc những ngành, lĩnh vực không có mức phân nhóm theo quy định tại Luật Đầu tư công (mặc dù dự án có tổng mức đầu tư dưới mức cao nhất của Dự án nhóm B theo Luật Đầu tư công).

¹ Cụ thể: Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết; quyết định đầu tư sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương đầu tư.

Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn hoặc không tiếp tục đầu tư vốn bổ sung vào công ty con, công ty liên kết trong trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật; quyết định đầu tư sau khi được Thủ tướng quyết định chủ trương đầu tư.

(vii) Về việc vận dụng các quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đối với các doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, xã hội

Trong thời gian vừa qua, một số các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội như Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị hướng dẫn và cho phép các cơ quan này được vận dụng các quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP trong việc quản lý và thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp trực thuộc quản lý.

(viii) Về việc công ty mẹ tăng vốn góp tại các công ty con, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Một số doanh nghiệp (EVN, VNA, VIMC, TCT Thuốc lá VN, VIETTEL) cho rằng, theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, các công ty mẹ phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương mỗi khi tăng vốn góp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên không đảm bảo tính chủ động, chịu trách nhiệm của DNNN đối với phần vốn của DNNN đầu tư tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên, cụ thể như sau:

- Khi công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên của DNNN quyết định trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu thưởng, thì giá trị đầu tư vốn của DNNN tại các công ty này sẽ tăng nhưng DNNN không phải đầu tư bổ sung vốn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu thưởng phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, đồng thời Đại hội đồng cổ đông thường niên phải tổ chức muộn nhất trước 30/6 và công bố thông tin ít nhất trước 21 ngày. Theo đó, việc phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương khi nhận cổ phiếu thưởng hoặc nhận cổ tức bằng cổ phiếu sẽ gây mất thời gian, không đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

- Ngoài ra, việc DNNN phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu khi các công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn quỹ đầu tư phát triển mà không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ tại các công ty này không thực sự có nhiều ý nghĩa vì công ty mẹ chỉ nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ, không đảm bảo quyền phủ quyết theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Theo đó, việc xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu sẽ gây mất thời gian và chậm trễ trong việc đưa ra ý kiến biểu quyết tại Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên; không đảm bảo tính chủ động, chịu trách nhiệm đối với nguồn vốn của DNNN đầu tư tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên.

(ix) Chưa có sự thống nhất trong quy định về khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ tại Luật số 69/2014/QH13 và Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

- Điểm e khoản 2 Điều 42 Luật số 69/2014/QH13 quy định trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với DNNN: “e) *Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra*

ngoài doanh nghiệp, dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp theo quy định tại các điều 23, 24, 28 và 29 của Luật này;”.

- Điểm d khoản 2 Điều 23 Luật số 69/2014/QH13 quy định: “*đ) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, vay hoặc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan;*”.

- Điểm b khoản 3 Điều 23 Luật số 69/2014/QH13 quy định thẩm quyền huy động vốn đối với DNNN: “*b) Trường hợp huy động vốn trên mức quy định tại điểm a khoản này, huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.*”.

Đồng thời, tại Điều 12 Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh thì cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện phê duyệt phương án vay nước ngoài tự vay, tự trả trung, dài hạn của DNNN thuộc phạm vi quản lý.

Như vậy, Luật số 69/2014/QH13 và Nghị định số 219/2013/NĐ-CP đã quy định thẩm quyền, trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước là thực hiện phê duyệt các phương án huy động vốn vay nước ngoài của các DNNN. Tuy nhiên, hiện nay tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP đang quy định: “*Đối với khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ, trừ khoản vay vốn nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm, cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp và đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận*”.

Nội dung này đã được Bộ Tài chính phản ánh vướng mắc trong thực tế do Bộ Tài chính phải thẩm định, chấp thuận chủ trương đối với tất cả các khoản vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp nhà nước.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở phân tích, đánh giá những khó khăn, vướng mắc nêu trên trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nêu tại điểm 2 Mục I Báo cáo này.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo.